

Chương XVI
“NIỀM VUI MỚI” TỚI “VUA LÀM LOẠN”:
Nguyễn Phước Hoăng (5/9/1907-10/5/1916)

Trong lịch sử cận đại Việt, không vị vua nào đã trải qua những thăng trầm, vinh nhục đầy tính chất bi thảm như Nguyễn Phước Hoăng, vua thứ mười một nhà Nguyễn, và cuối cùng của hệ Hường Y. Nguyễn Phước Hoăng cũng là vua thứ nhất bị phê khi chưa đến tuổi trưởng thành, đẩy ra hải ngoại, vì ý thức “quốc gia độc lập,” nhưng lại bị chính hoàng tộc và triều thần của mình—dưới sự sai khiến của người Pháp và danh vọng, lợi lộc của chính họ—kết tội “**làm loạn.**” Ngay đến Nguyễn Phước Chiêu, cha vua—nhân vật “anh hùng yêu nước, chống Pháp” trong vài dã sử tiểu thuyết—cũng từng lên án Nguyễn Phước Hoăng “**bất trung, phản nghịch,**” và còn yêu cầu Pháp bắt vua bồi hoàn 10,000 *franc* tiền chi phí di chuyển chỗ ở từ Vũng Tàu sang Réunion. (1)

1. Thư Bửu Lân gửi Jean Charles ngày 2/11/1916, Phụ bản 16 [8. trong Vũ Ngự Chiêu, *Các vua cuối*, tập III (2000), tr 884 [883-886]. [Sẽ dẫn: Vũ Ngự Chiêu, 2000].

Cuộc “làm loạn” hay “phản nghịch,” của vua, cho đến thời điểm này, vẫn còn là một nghi án lịch sử. Thực chẳng chuyến xuất giá tháng 5/1916 do lòng yêu nước, hay vua chỉ là một nạn nhân của kế hoạch trục xuất cả vua lẫn phụ hoàng, đã bị giáng xuống hàng công, đẩy vào Vũng Tàu, khởi đất nước? Nguyễn Hữu Bài (1863-

1935)—người đầu năm 1923 bị chính Nguyễn Phước Chiêu tố cáo đứng sau cuộc truất phế Nguyễn Phước Hoăng—gặp vua trước khi rời hoàng thành với mục đích đưa Bửu Đảo lên ngôi(2)—đã thủ diễn vai trò gì, và lời cáo buộc của Bửu Lân có giá trị hay chăng?

2. Ibid., *Các vua cuối*, tập III (2000), tr 1095-1096. Thư Bửu Lân gửi Nguyễn Thị Định ngày 23/1/1923, phụ bản trích đăng trong Vũ Ngự Chiêu, *Lá bài bí mật của de Gaulle: Hoàng tử Vĩnh Sang (1900-1945)* (Houston: Văn Hoá, 1992), tr 112-113. [Sẽ dẫn: Vũ Ngự Chiêu 1992].

Từ năm 1923, Khâm sứ Pierre Pasquier, và rồi 10 năm sau, Toàn Quyền Pasquier cũng cho rằng Nguyễn Hữu Bài đã gieo rắc vào tâm trí Nguyễn Phước Hoăng những tư tưởng đòi thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Bảo hộ 6/6/1884, đưa đến những hậu quả tai hại.(3) Một nạn nhân khác của Bài là Ngô Đình Diệm (27/7/1897-2/11/1963), xin từ chức Thượng thư bộ Lại vào tháng 7/1933 vì muốn trở lại với chế độ bảo hộ kiểm soát [*protectorat de controle*] nguyên thủy, nhưng không được thỏa mãn, nên phải nêu lý do muốn đi tu để tránh tội phản nghịch.(4) Tài liệu chính thức của Đảng *Cộng Sản Việt Nam* cũng nhắc đến chủ trương trở về với Hiệp ước 6/6/1884 của anh em Diệm.(5)

3. Báo cáo ngày 26/7/1933, Pasquier gửi BTTĐ; CAOM (Aix), INF, carton 366, d. 2905. Xem thêm chi tiết trong đoạn về việc Nguyễn Hữu Bài và Ngô Đình Diệm trả thù Pasquier. Về tiểu sử Bài, xem CAOM (Aix), PA 9, carton 3.

4. Chính Đạo, *Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng* (Houston : Văn Hóa, 2002), tr 21-22.

5. Nghị quyết Đại hội I (27-31/3/1935), cực lực chỉ trích “bọn” cải lương Bùi Quang Chiêu, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu, Dương Văn Giáo, v.. v... là “phản đối đế quốc” “đề bán mình cho cao giá.” *VKDĐT*, 5:1935, 2002:14.

Đáp án của nghi vấn lịch sử này, cho đến đầu thế kỷ XXI, vẫn còn thiếu nhiều khoen nối quan trọng. Chúng tôi sẽ chỉ cố gắng tái dựng lại những biến cố quan trọng dưới triều Nguyễn Phước Hoăng, và nhường giải đáp nghi án trên cho những sử gia tương lai, khi tài liệu quốc sử quán nhà Nguyễn và các văn khố Pháp được khám phá thêm.

I. “NIỀM VUI MỚI”:

Vĩnh San sinh ngày 21/3/1900 (cũng có tin năm 1899) tại Huế. Hoàng tử là con thứ tám [năm?] vua Nguyễn Phước Chiêu. Mẹ là Nguyễn Thị Định, được cất nhắc lên “Tam giai” sau ngày Vĩnh San đăng quang. (6)

6. Các tài liệu đều ghi tên húy của vua Nguyễn Phước Hoăng là “Sang” [San, tức Sơn, hay Núi; Thiều Chửu, 160]. Ngay chính vua, sau khi đã bị đày qua Réunion cũng viết tên mình là “Vĩnh San.” Trong một tác phẩm trước, chúng tôi dùng chữ “Sang” theo đúng giấy tờ hộ tịch. Xem, chẳng hạn, *Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême-Orient* [*BEFEO, Kỷ Yếu Trường Viễn Đông Bác Cổ*], VIII: 3-4 (7/1907), p 417; *Bulletin administratif de*

l'Annam [BAA, *Thành tích biểu hành chính An-nam*], No 19 (1907), pp 570-575. Trong sách này, dùng lại chữ “San.”

Nếu vào trường hợp bình thường, Vĩnh San có rất ít hy vọng lên ngôi. Mẹ Hoàng tử xuất thân từ giới bình dân nên Vĩnh San chẳng có lực lượng chính trị nào yểm trợ, trong khi những Hoàng tử khác là cháu ngoại các đại thần đầy uy quyền như Nguyễn Hữu Độ, Nguyễn Thân hay Trương Như Cương, Viện trưởng Cơ Mật cuối cùng triều Nguyễn Phước Chiêu, cho tới khi về hưu năm 1917.

Sự kế vị của Nguyễn Phước Hoảng, thực ra, chỉ do ngẫu nhiên của lịch sử. Giải pháp “**lấy Thành Thái giải quyết cuộc khủng hoảng Thành Thái**” do Lê Trinh đề nghị đưa lên ngai vàng một thiếu nhi mới hơn 7 tuổi Tây lịch—“không rõ mẹ là ai” [*de mère inconnu*], có bệnh mù tai—hầu vẫn giữ nguyên được Phủ Phụ Chính mà Paris cho lệnh.(7) Nói cách khác, vua không được chọn vì những cảm tình cá nhân của các Khâm sứ, Toàn quyền, mà thuần do nhu cầu chính trị giai đoạn—trên bối cảnh rộng lớn hơn giữa sự tranh chấp, hòa giải, và miễn cưỡng sống chung của hai thế lực đương thời tại Đông Dương: phe Cộng Hoà, với chủ trương phân biệt rõ ràng giữa tôn giáo và quốc gia, và Hội truyền giáo, với chủ trương phải dành cho tín đồ Ki-tô mọi ưu quyền thuộc địa.

7. Báo cáo ngày 20/9/1907, Beau gửi BTĐ; CAOM (Aix), GGI, dossier 9577/3; và báo cáo của Levecque trong *Ibid.*, GGI, 9577/75. Xem thêm báo cáo chính trị tháng 7 và 8/1907 (17/12/1907), Khâm

sứ gửi Toàn quyền; Ibid., Ancien Fonds [AF], carton 9, d. A-20 (54).

Cách nào đi nữa, ngày 4/9/1907, một số thủ tục lễ nghi cho Vĩnh San được cử hành trong khuôn viên Cẩm thành. Tân ấu vương được thêm một tên “thánh” là Hoãng [ánh sáng rực rỡ, briller], và đặt cho niên hiệu Duy Tân [Đổi Mới]. Hôm sau, 5/9, Beau chủ tọa lễ đăng quang với sự hiện diện của các viên chức Pháp-Việt. Beau đi xuyên qua một hàng Hải quân dàn chào, rồi tiến lên bệ đặt ngai vua. Nguyễn Phước Hoãng đứng đón Beau ở đây, thề ngọc trên tay. Vua đọc một diễn văn ngắn cảm tạ sự độ lượng của Toàn quyền và chính phủ Pháp cũng như sự giúp đỡ vương quốc An Nam. Beau chúc vua sẽ cai trị lâu dài, rồi nhân danh chính phủ Pháp nhìn nhận vương quyền của vua. Cuộc “đổi mới” đầu tiên là ngày 5/9/1907 [28/7 Bính Ngọ]—tức ngày vua lên ngôi và ban Chiếu đăng quang—được chọn làm ngày 28/7 **Duy Tân nguyên niên**. (8)

8. *BAA* (Huế), No. 19 (1907), p 631.

Hôm sau, Thứ Sáu, 6/9, Nguyễn Phước Hoãng cùng đại diện Tôn Nhơn Phủ, và Phủ Phụ chính vượt sông Hương qua Tòa Khâm sứ yết kiến Beau. Levecque đón vua tại cổng Tòa Khâm—mà không phải bến đò như trường hợp Nguyễn Phước Biện 22 năm trước—rồi dẫn vào khách sảnh. Tại đây, Beau cùng một số sĩ quan và Pháp kiều chờ đón. Sau khi Nguyễn Phước Hoãng vắn tắt nói lời cảm ơn, Cơ Mật Viện trưởng Trương Như Cương cảm tạ Toàn quyền và nước Pháp đã ban cho một vua mới theo khuôn khổ Hiến ước của vương quốc.

Beau đáp từ bằng tuyên bố sẽ thực hiện “đổi mới” và giúp An Nam ngày thêm trù phú. Sau đó, vua cùng đoàn tùy tùng trở lại Cung cấm. 5 giờ chiều cùng ngày, Beau vào Cấm thành đáp lễ, và chấm dứt những ngày đầu tiên của niềm vui mới—hoặc, “**Dui Tân**”—như một thông dịch quái ác nào tại Tòa Khâm sứ đã bốn cột. (9)

9. Báo cáo ngày 20/9/1907, Beau gửi BTĐ; CAOM (Aix), GGI, dossier 9577/3.

Suốt 8 năm kế tiếp, Nguyễn Phước Hoãng sống khá bình thản trong cấm thành. Vua được hưởng lương hàng năm, dù chẳng lấy gì làm hậu hĩ. (10) Nhiệm vụ thật nhàn hạ. Gánh nặng cai trị ủy thác cho Khâm sứ Pháp và Phủ Phụ Chính, lúc này đã được tổ chức đúng với giấc mơ của Petrus Ký ít thập niên trước, tức qui tụ những nhân vật đồng hoá quyền lợi bản thân với quyền lợi Bảo hộ Pháp.

10. Năm 1916, mỗi năm gia đình Nguyễn Phước Tuấn được 48,000 đồng (ngân sách cung cấp 36,000 đồng; các địa phương đóng góp 12,000 đồng). Lương Nguyễn Phước Hoãng ít hơn. Theo Toàn quyền Sarraut, gia sản của Nguyễn Phước Hoãng “khá khiêm nhường” đến độ Quyền Khâm sứ Georges Mahé (22/1/1912-23/4/1913) đã phải đào lãng vua Nguyễn Phước Thời để tìm vàng hầu bảo đảm tương lai vật chất cho vua. Báo cáo số 658 A.I., 21/3/1913; Gougal gửi Colonies; Ibid., PA 9, Carton 3.

Miên Lịch, đại diện Tôn Nhơn Phủ, vẫn giữ chức Phủ chính thân thân. Trương Như Cương mang tước

Phụ Chính Đại thần. Các thành viên gồm Lê Trinh (Bộ Lễ), Tôn Thất Hân (Bộ Hình), Huỳnh Côn (Bộ Hộ), và Nguyễn Hữu Bài (Bộ Công kiêm Bộ Binh). (11) Sự nghiệp của tất cả các đại thần đều do công lao đánh dẹp phong trào Cần Vương. Riêng Bài còn có một thế tựa khác là Hội truyền giáo hải ngoại, và đảng “Ki-tô” mà dù các đảng viên không chính thức lập hội, nhưng được chỉ huy và kèm tảo bằng các giáo sĩ—những lãnh tụ tinh thần được huấn luyện kỹ lưỡng, và giữ một kỷ luật cao theo hệ thống hàng dọc từ Hội Truyền giáo xuống tận các họ đạo hẻo lánh, nhỏ bé nhất. Nhờ thế tựa này, Bài đã dám đề cử Cường Để lên ngôi thay Nguyễn Phước Chiêu, dưới chiêu bài sẵn sàng chấp nhận bất cứ sự lựa chọn nào của Bảo hộ, và sống còn lâu năm nhất trong số các thượng thư thời Nguyễn mạt.

11. Dụ ngày 12/9/1907, *BAA* (Huế), No 19 (1907), p 577.

Vì chức phận vua thu nhỏ lại trong phạm vi “nghe lễ,” thỉnh thoảng ấu vương mới “mặc đại trào lễ phục, nghiêm chỉnh đứng trước ngai vàng, thề ngọc trên tay” để tiếp quan khách, hay chủ tọa các quốc lễ như tế Nam Giao v.. v... (12)

12. Báo cáo số 6 H (17/10/1908), Gougal gửi Colonies, p 3; CAOM (Aix), AF, carton 21, d. A-30 (113).

Phần lớn thì giờ được dành cho học vấn. Để giúp ấu vương xứng đáng với niên hiệu “Duy Tân,” người Pháp thoạt tiên muốn vua chuyên tâm vào Tây học. Tiến sĩ Khoa học Philippe Eberhardt được giao trách nhiệm

giáo huấn vua. Ít lâu sau, do Phủ Phụ chính yêu cầu, Khâm sứ Pháp đồng ý thêm vào chương trình mỗi ngày hai giờ chữ Hán, và bổ nhậm hai phụ đạo (thầy dạy) người Việt để huấn luyện chữ Hán cùng các nghi thức cổ truyền.(13)

13. Báo cáo số 157 (25/1/1909), Gougal gửi Colonies; Ibid., carton 22, d. A-30 (116).

Về Pháp ngữ, vua có những tiến bộ đáng kể. Ba năm sau ngày đăng quang, Nguyễn Phước Hoăng có thể đọc được một diễn văn ngắn bằng tiếng Pháp để chào mừng Toàn quyền Anthony Klobukowski (25/6/1908-6/1911), nhân dịp Klobukowski ghé thăm Huế vào tháng 10/1910. (14) Năm năm sau, trong buổi gặp mặt Toàn quyền Ernest Roume (1915-1916) ở Huế, vua không những chỉ đối thoại lưu loát mà có dấu hiệu suy nghĩ bằng cả tiếng Pháp. Bài thơ tình vua viết ở Cửa Tùng, hay những lá thư liên lạc với thầy dạy và các viên chức Pháp năm 1916, khi bị tạm giữ ở đồn Mang Cá, cũng khá chững chạc văn hoa. (15)

14. Báo cáo số 1590 B.P., (19/8/1910), Gougal gửi Colonies; Ibid., carton 22, d. A-30 (119). Đây cũng là lần đầu tiên vợ Klobukowski—con gái Paul Bert—được mời vào dự yến trong Hoàng cung, vì trước đó phụ nữ lạ không bao giờ được dự yến hay gặp vua; Ibid., carton 21, d. A-30 (113).

15. Ibid., GGI, dossier 9588.

Nếp sống “ở ngôi mà không cai trị”—hoặc, nói theo Toàn quyền Sarraut, “tù nhân của một hội đồng Thượng

thư... khúm núm nhưng độc tài”(16) —kéo dài tới đầu năm 1915 một cách tương đối bình lặng.

16. Báo cáo số 241 API, ngày 9/4/1917, Gougal gửi Colonies; Ibid., INF, Carton 18, d. 166.

Ngoại trừ vài xáo trộn nhỏ như việc tranh giành quyền lực giữa Nhị giai của Nguyễn Phước Chiêu, con khai quốc công thần Nguyễn Thân, và Nguyễn Thị Định, mẹ ruột Nguyễn Phước Hoảng, hoặc cuộc khai quật kho tàng tại Khiêm Cung vào cuối năm 1912, đầu năm 1913, các quan cai trị Pháp khá thỏa mãn về hành vi của ấu vương.

Những biến cố trong dân gian như cuộc nổi dậy đòi giảm sưu thuế của dân Trung Kỳ năm 1908, cuộc thảm sát Hoàng Hoa Thám đầu năm 1913, những cuộc đột kích cảm tử của *Việt Nam Quang Phục Hội* ở Thái Bình, Hà Nội, Tà Lùng (Thất Khê), hay vùng biên giới Xiêm trong giai đoạn 1913-1915 dường như chẳng có một dư âm nào tại thư phòng vua.

II. NHỮNG BIẾN ĐỘNG NGOÀI CUNG THÀNH:

Xã hội Việt Nam từ ngày Nguyễn Phước Hoảng lên ngôi không êm ả như cuộc sống trong vòng thành cung cấm. [Hành vi đào mả Phan Đình Phùng, rồi trộn hài cốt với thuốc súng mà bắn đi của nhóm Nguyễn Thân-Ngô Đình Khả—dù đưa lên tột đỉnh danh vọng ở Huế những người tự nhận là “*serviteurs dévoués*” [đầy tớ tận tụy] của Pháp, trong khi người Pháp không hề tin có loại người này, mà động lực “tự hòa hoãn (*compromis*)” chỉ do lợi danh cá nhân—không đủ tận diệt tinh thần chống

ngoại xâm của đại đa số dân Việt. Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, như đã lược thuật ở chương trước, chỉ là hai trong hàng ngàn sĩ phu Việt đang nỗ lực tìm ra một con đường đổi mới để giải phóng đất nước. “Duy Tân” [hiểu theo nghĩa bỏ cũ, đổi mới] trở thành mẫu số chung của mọi giai tầng trí thức. Trong khi đó, viên chức thuộc địa Pháp tìm đủ phương thức để duy trì sự bảo hộ]. Nhận hiểu nhu cầu đổi mới của người Việt, các Toàn quyền Pháp cố sức hướng dẫn nhu cầu ấy giữa hai đối cực “thống trị” và “hợp tác.” Tuy nhiên, trong hơn tám năm ở ngôi của Nguyễn Phước Hoăng, số Toàn quyền Pháp nối tiếp nhau cai trị Đông Dương lên tới năm người. Mỗi Toàn quyền thực thụ hay tạm thời chỉ có mặt ở Hà Nội không quá hai năm, nên thường chỉ chú trọng vào chính sách tổng quát nhằm khai thác kinh tế-tài chính toàn bán đảo; và vấn đề nội bộ An Nam hầu như trao phó cho các Khâm sứ và công sứ.

A. Toàn Quyền Paul Beau (1902-1908):

Như đã lược nhắc, Beau là người đặt Vĩnh San lên ngôi. Những tháng cuối năm 1907, Beau tập trung vào kế hoạch “chinh phục tinh thần” của mình. Ngày 14/11/1907, Beau chủ tọa lễ khai mạc Hội đồng Tư vấn Bắc Kỳ, tại Đại Giảng đường Đại học Đông Dương.(17) Đích thân Beau còn tới Sài Gòn tham dự lễ khai mạc phiên họp thứ hai của Hội đồng Hoàn Thiện Giáo Dục Bản Xứ (*Conseil de perfectionnement de l'Enseignement indigène*) từ ngày mùng 4 tới 9/12/1907, để nghe Henri Gourdon, Tổng Giám đốc Học chính, báo cáo kết quả trong khóa (*session*) 1, đặc biệt là tại Bắc và Trung Kỳ.

17. *BEFEO* (Hà Nội), VII:3-4 (7-12/1907), pp 413-14. Trần Tấn Bình đáp từ bằng tiếng Việt; Đỗ Thận bằng tiếng Pháp (p. 416).

Tại Huế, để đáp ứng nhu cầu “chinh phục tinh thần,” ngày 23/9/1907, Levecque thay Hoàng Hữu Xúng ở Bộ Công bằng Vương Duy Trinh, cựu Tổng đốc Quảng Nam; và ba ngày sau, 26/9/1907, cử Cao Xuân Dục (1842-1923?) cầm đầu Bộ Học. Dục xuất thân Hậu bổ ở Quảng Nam năm 1873. Năm 1882, tham gia sứ đoàn Trần Đình Túc để nghị hòa với Pháp về Bắc Kỳ. Tháng 1/1888, Dục được bổ làm Hải phòng sứ. Sau đó, lên Tổng đốc Nam Định. Tháng 6/1898, Công sứ Auvergne đề nghị cách chức Tổng đốc vì Dục đã để cho con trai Tấn Thuật tự do đi lại trong tỉnh suốt 3 tuần lễ. Sau đó, đổi làm Tổng đốc Nghệ An vì ngại Dục tạo nên những ảnh hưởng xấu quanh việc ép Nguyễn Phước Chiêu thoái vị. Ngày 23/10/1913, Dục bị ép về hưu, sau khi hoàn thành bộ *Đại Nam Nhất Thống Chí*. (18)

18. CAOM (Aix), GGI, dossier 9578/3. Ibid., dossier 9602. Theo tin đồn, Dục là người đỡ đầu Tr huyện Nguyễn Sanh Huy, và năm 1910, giúp Huy thoát cảnh tù đầy sau khi can án ngộ sát một nông dân Bình Khê trong cơn say.

Kết quả việc truyền bá Quốc ngữ của Beau còn khiêm nhường, chưa có dấu hiệu nào tạo nên mầm mống tạo loạn; và, quan trọng hơn, chỉ nặng tính chất tuyên truyền, nhằm đáp ứng nhu cầu thông ngôn, thư ký, hơn thực hiện một nền quốc học cho thanh thiếu niên Việt. Vào tháng 1/1908, trên khắp ba kỳ chỉ có 9

trường Tiểu học “bồ túc” (Cao đẳng tiểu học) với 956 học sinh, 11 trường chuyên nghiệp với 782 học sinh, và 110 trường tiểu học, với 23,921 học sinh. Việc phân phối theo các địa phương không đồng đều. Bắc Cao đẳng tiểu học, Bắc Kỳ có 5 trường với 487 học sinh, Trung Kỳ chỉ có 1 trường với 94 học sinh, và Nam Kỳ, 3 trường với 375 học sinh. Trường dạy nghề, Nam Kỳ có 8 trường, thu nhận 443 học sinh (kể cả trường Mỹ nghệ Thủ Dầu Một, khai giảng năm 1901, và trường Mỹ nghệ Biên Hòa, khai giảng năm 1907), trong khi Bắc Kỳ chỉ có 2 trường (Nam Định và Hưng Hoá), với 189 học sinh, và Trung Kỳ, 1 trường, 150 học sinh. Nam Kỳ cũng dẫn đầu số trường và học sinh Tiểu học cùng ầu học với 230 trường, thu nhận 17,155 học sinh; trong khi Bắc Kỳ có 67 trường, với 5344 trò, và Trung Kỳ, 20 trường, thu nhận 1422 học sinh.(19)

19. Direction Générale de l'Instruction Publique, “Rapport No. 813G, 14/8/1908,” pp 8-9; Ibid., GGI, dossier 7707.

Những bài diễn văn cùng việc làm của Beau có mục đích xa là Nhật Bản, một cường quốc đang lên, thường bị dư luận Pháp lên án là “họa da vàng.” Trên nguyên tắc, Nhật và Đông Dương có liên hệ bình thường. Ngày 4/8/1896, Nhật đã ký với Pháp một Hiệp ước Thương mại và Hàng hải. Mới nhất, ngày 10/6/1907 hai bên ký thêm một Hiệp ước, theo đó Pháp cho Nhật mượn một số tiền lớn để phục hồi kinh tế sau cuộc chiến Nga-Nhật (1904-1905), và rồi ngày 19/8/1907 hai nước ký tuyên cáo chung Paris, hứa sẽ bảo vệ hòa bình và an ninh tại lục địa Á châu. Sau đó, Tokyo bắt đầu trục xuất du học

sinh Việt. Chỉ riêng Cường Đê và Phan Bội Châu vẫn nấn ná ở Nhật. Dầu vậy, tham vọng đế quốc của Nhật quá hiển lộ khiến Pháp khó thể không dự phòng. Cuộc chiến tranh Nga-Nhật, kết thúc bằng trận hải chiến Tsuchima năm 1905, khiến các cường quốc Âu Mỹ bắt đầu quan tâm đến “những người Mỹ da vàng” của xứ Mặt trời. (20)

20. Dẫn Nhật theo thần đạo Mặt Trời [thái dương, Shinzo].

B. Louis Bonhoure (28/2-24/9/1908)

Tháng 2/1908, Beau về nước. Từ ngày 28/2/1908, Thống đốc Sài Gòn Louis Bonhoure kiêm nhiệm chức Toàn quyền. Trong gần bảy tháng kế tiếp, hai biến cố xảy ra ở Quảng Nam và Hà Nội cho phép Bonhoure xuống tay mạnh. Đó là cuộc biểu tình đòi giảm sưu thuế vào mùa Xuân 1908, và vụ đầu độc ở trại lính Hà Nội mùa Hè cùng năm.

1. Cuộc “Dân Biểu” 1908:

Đầu năm Mậu Thân (tháng 2/1908), ba hương chức làng Phiên Ai, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, thu thập chữ ký hương dịch để xin giảm số ngày sưu dịch, tức lao động bắt buộc [*corvée*] hàng năm. Huyện quan bắt ba hương chức trên. (21)

21. CAOM (Aix), GGI, dossiers 5886, 5887 và F03 (54); AF, cartons 9 & 22; và 9 PA cartons 2-3. Về quan điểm của các tác nhân, xem Phan Chu Trinh, *A Complete Account of the Peasants' Uprising in the Central Region*, bản dịch Peter Baugher và Vũ Ngự Chiêu (Madison, WI: Univ. of

Wisconsin, Center for Southeast Asian Studies, Monograph No. 1, 1983) [sẽ dẫn *A Complete Account*]; Huỳnh Thúc Kháng, “Cuộc kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908,” trong Nguyễn Quốc Thắng, *Huỳnh Thúc Kháng: Con người và thơ văn* (Sài Gòn: 1972). Lưu ý là có sự khác biệt đáng kể về ngày giờ của các sự cố ghi trong các tư liệu. Ngoài ra, lập luận của các viên chức Pháp-Việt, dĩ nhiên, khác hẳn cung từ của các nạn nhân. Peter Baugher và tôi đã cố gắng đối chiếu, so sánh sự khác biệt trên trong phụ chú của *A Complete Account*. Bản tin báo chí đương thời—trên các tờ *L’Avenir du Tonkin*, *Le Courrier d’Haiphong*, *L’Indo-Chinois*, v.. v...—cũng rất tóm lược. Kết luận duy nhất có thể rút ra là **viên chức Pháp-Việt đã mượn cuộc dân biến để truy diệt nhóm duy tân Quảng Nam, cũng như bất cứ nho gia nào đáng nghi ngờ. Những bản án được lưu giữ và báo cáo chính trị của Bonhoure, Levecque cùng công sứ các tỉnh Trung Kỳ bộc lộ rõ ràng tâm ý họ. Xem thêm Chính Đạo, *Hồ Chí Minh, 1892-1969, tập I: 1892-1924*, tái bản có bổ sung (Houston: Văn Hoá, 1997), tr. 117-23 ; David G Marr, *Vietnamese Anticolonialism, 1885-1925* (Berkeley: Univ. of California Press, 1971), pp 187-95.**

Thỉnh nguyện của dân chúng là phản ứng đầu tiên với **Nghị định ngày 31/12/1907** mới ban hành, theo đó số **ngày sưu** [lao động ép buộc] dành cho công ích tỉnh **sẽ tăng từ 6 lên 8 ngày, có hiệu lực tức khắc**. Nguyên từ năm 1898, số ngày sưu dịch mỗi năm là 30 ngày; 10

trong số 30 ngày dùng cho việc công ích của xã, và 20 ngày khác của thể mua bằng tiền (Dự ngày 14/8/1898). Trong đợt cải cách tài chính năm 1904, nông dân mua lại 20 ngày sưu dịch với giá **2 hào (0.20 đồng)**, và số tiền này phải trả chung với **thuế thân (2 đồng)**; tức mỗi xuất đinh phải trả thuế hàng năm tới 2 đồng 20 xu. Phần 10 ngày sưu còn lại, 6 ngày dành cho việc công ích của tỉnh (Dự ngày 9/1/1904). Trong nỗ lực tận thu và do nhu cầu nhân công làm đường xá, Khâm sứ Levecque cho phép mua lại 2 ngày sưu dùng cho việc làng xã, và dành 8 ngày cho tỉnh.(22) Ngoài ra, điều kiện làm việc thực vất vả, lại còn bị hành hạ, ngược đãi.

22. Thư ngày 20/4/1908 [20/3 Mậu Thân], dân Quảng Ngãi gửi Toàn quyền [Bonhoure]; CAOM (Aix), GGI, dossier 5887. Báo cáo tổng quát năm 1908, ngày 25/9/1909, Groleau gửi Toàn quyền; Ibid., GGI, F-03 (54).

Đòi hỏi của dân Phiên Ai càng có ý nghĩa và dễ hiểu là từ năm 1881, chế độ sưu dịch đã bãi bỏ ở Nam Kỳ qua Nghị định ngày 10/5/1881 của Tổng thống Jules Grévy. Để có nhân lực làm việc công ích, các tỉnh có quyền trưng dụng mỗi xuất đinh không quá năm [5] ngày. Một nghị định khác ngày 24/3/1884 của Thống đốc Nam Kỳ cũng miễn sưu dịch cho người trên 55 tuổi. Năm năm sau, nghị quyết hành chính ngày 5/3/1889 cho phép mua lại số ngày bị trưng dụng. Nhưng ngày 20/6/1891, Thống đốc Nam Kỳ lại ra một thông tư [*circulaire*] cho phép mua ba [3] ngày sưu tỉnh, và hai [2] ngày còn lại dành cho việc công ích xã.(23)

23. Báo cáo ngày 23/7/1913, Giám đốc Hành chính gửi Toàn quyền; Ibid., 9 PA, carton 4.

Nhằm phản ứng lại thái độ cửa quyền của huyện quan, ngày 9/3/1908 [7/2 Mậu Thân], khoảng hơn 300 nông dân kéo nhau tới huyện lỵ Đại Lộc xin giảm sưu dịch và trả tự do những người bị bắt. Theo báo cáo của Công sứ Jean Charles, huyện quan đồng ý thả ba [3] người trên. Hai ngày sau, 11/3 [9/2 Mậu Thân], khoảng 300 tới 400 dân Đại Lộc và Điện Bàn lại kéo tới Tòa Công Sứ Pháp ở Faifo (Hội An), đưa kiến nghị xin giảm sưu và thuế thân. Charles ra thuyết phục, nhưng các đại diện cương quyết sẽ chỉ trở lại làng xóm sau khi yêu sách được thỏa mãn. Đêm đó, đoàn biểu tình ngủ lại trước Dinh Công Sứ. Số người tham dự biểu tình ngày một đông. Ngày 13/3 [11/2 Mậu Thân], Charles bắt hai người cầm đầu. Đoàn biểu tình bèn đòi trả tự do ngay cho hai người trên, nhưng Charles từ chối. Đám đông tràn vào các phòng sở và nội vi Dinh Công Sứ làm áp lực. Charles cho lệnh lính tập đàn áp bằng côn và gậy, đẩy lui đoàn biểu tình, rồi đặt chướng ngại vật trên trục lộ dẫn vào toà Công sứ. Nông dân vẫn chiếm giữ chợ và các đường phố trong tỉnh lỵ. Họ lùng bắt những người thu thuế chợ, hành hung, đập phá cơ sở và đe dọa đến tính mạng của các hoa chi này.

Ngày 21/3 [19/2 Mậu Thân], đoàn biểu tình tràn vào Dinh Tổng Đốc ở Điện Bàn (ngã ba Quốc lộ 1 và đường dẫn vào Faifo), định bắt Hồ Đắc Trung theo họ lên Hội An xin giảm sưu thuế. Charles vội sai một toán 30 lính tập tới bảo vệ Dinh Tổng Đốc và an ninh các quan lại. Hôm sau, 22/3, dân chúng lại tràn vào Dinh Tri phủ

Điện Bàn, hành hung lính lệ, rồi bắt giải Tri phủ lên Faifo. Được tin, Charles sai Thiếu Úy (Lãnh binh) Léonard Sogny (người sau này trở thành Giám đốc Mật thám Trung Kỳ) đem 20 lính tập tới giải vây. Sogny cứu được viên Tri phủ giữa đường từ Điện Bàn tới Faifo, bắt giữ 5 người; 3 người khác bị chết đuối khi bơi qua sông trốn chạy. Sau đó, Charles phái 15 lính bảo an tới lập một đồn ở Điện Bàn để bảo vệ an ninh.

Bốn ngày sau nữa, 26/3, hỗn loạn diễn ra ở phủ Thăng Bình (phía nam Điện Bàn). Tia lửa điện có lẽ là việc Tri phủ Thăng Bình và Sogny dẫn lính đến bắt Nguyễn Thành—tức Âm Hàm, một đồng chí của Phan Bội Châu—người bị coi như chủ xướng cuộc dân biến. Khoảng 1,000 nông dân tràn vào phủ lý, phá hủy vòng thành, đập phá phòng ốc. Chỉ biết tin trên khi đã về tới chợ Được để chờ sà-lúp dẫn giải Âm Hàm về Faifo, Sogny bèn sai một tiểu đội lính tập xuống giải cứu Tri phủ Thăng Bình. Bị tấn công bằng gạch và gậy gộc, toán lính này bắn 9 phát súng vào đám đông, khiến 1 người chết, 4 người khác bị thương. Đoàn biểu tình vẫn chưa chịu giải tán, tụ tập ở những thửa ruộng gần phủ lý. Mãi tới khi thám tử Breugnot dẫn thêm 20 lính tập tới tăng viện, dân mới rút lui. Breugnot lập một đồn lính với 10 tay súng ở phủ lý để bảo vệ Tri phủ.

Tại Tam Kỳ (tỉnh lý Quảng Tín thời VNCH) hàng ngàn dân chúng cũng kéo tới quanh phủ lý sau khi một lãnh tụ duy tân bị bắt. Tri phủ và viên Đề đốc phụ trách việc đắp đường từ Tam Kỳ vào Nông Sơn bị cô lập trong phủ đường. Mãi tới khi Thiếu Úy Salvant từ Faifo trở về mới giải cứu được hai quan chức trên. Viên Đề Đốc bị chết sau đó.

Những ngày cuối tháng 3, đầu tháng 4/1908, cuộc biểu tình ở Faifo đã bớt khí thế. Số người tham dự giảm dần. Đầu tháng 4/1908 [1/3 Mậu Thân], không còn ai tiến vào Faifo nữa mà chỉ tuần hành quanh Dinh Tổng đốc, và phủ lỵ Điện Bàn. Lý do chính là Levecque đã tăng phái cho Quảng Nam 220 lính khổ đò từ Huế, Tourane, Đồng Hới, Hà Tĩnh, Thanh Hóa và Vinh. Ngày 28/3, Charles cũng đích thân tới Hội An, mang theo Cơ mật viện trưởng Trương Như Cương và Thượng thư Bộ Binh Vương Duy Trinh. Hàng trăm người biểu tình, kể cả các “thân sĩ” Duy Tân, bị bắt giữ. Nhưng Trương Tôn, một trong 6 tù nhân đầu tiên bị làm án đầy đi Lao Bảo, cung cấp một chi tiết khác. Trương Tôn khai với Phủ Phụ chính Huế rằng khi đoàn biểu tình từ Đại Lộc tới dinh Tổng đốc ở Điện Bàn, họ được Bố chính và Án sát Quảng Nam mời vào trong Dinh, yêu cầu giữ im lặng và bầu ra một đoàn đại diện đi gặp Công sứ. Ba anh em Tôn cùng ba đại diện khác sau đó được dẫn vào hậu viên, đóng gông cổ, giải ra Faifo.

Charles còn chia đạo quân tăng viện làm 4 đội tuần tiễu bốn khu vực Tam Kỳ, Thăng Bình, Duy Xuyên/Đại Lộc và Điện Bàn/Hòa Vang. Bởi thế, tình hình Quảng Nam lắng dịu dần sau khi ba [3] nông dân Duy Xuyên bị xử tử vì đã đâm chết chánh tổng Trần Quát. (24)

24. Ngày 2/6/1908, Bộ Lại truy phong Chánh tổng Quát tước Bát phẩm văn giai; TTLTQG 1 (Hà Nội), *Mục lục Châu Bản Triều Duy Tân*, XIV:423.

Quảng Nam chưa êm, đã đến lượt Quảng Ngãi. Từ ngày 30/3 tới 12/4/1908, nông dân biểu tình trước dinh Tuần Vũ Lê Từ. Ngày 3/4, Công sứ Ch. Dodey [Dodez]

bắt giữ cựu Bộ chính Lê Tựu Khiết, cựu thủ hạ của Nguyễn Thân, từng chỉ huy cuộc khai quật xác Phan Đình Phùng để giáo nghiệm; nhưng bắt đầu có ý hướng khác; và Âm Nguyễn Bá Loan—một cựu lãnh tụ Cần Vương đã về hàng, con trai cựu Thượng thư Nguyễn Bá Nghi—với tội cầm đầu cuộc nổi dậy. Tuy nhiên, những đoàn biểu tình vẫn chưa chịu giải tán. Họ nằm dài trên đường, ngăn cản không cho bất cứ ai rời thành, bất chấp roi vọt hay những lời hứa hẹn, thuyết phục của quan chức Pháp-Việt. Tình hình chỉ dịu xuống sau khi Levecque tặng viện cho Quảng Ngãi một số lính tập. Ngày 12/4, đại diện dân chúng mới tuyên bố sẽ rời thành phủ, với điều kiện được giảm thuế cho người nghèo. Hôm sau, 13/4, giữa lúc hầu hết nông dân đã giải tán, bỗng có tin dân Bình Định và Thừa Thiên đã nổi dậy và được giảm sưu dịch. Buổi chiều, khoảng 1,000 người lại kéo tới tụ họp trước dinh phủ. Một số định đốt trại lính gần đó; nên hai người bị bắn chết. Tại hướng khác, một toán lính Pháp bắn chết hoặc gây thương tích 13 người. Nổi giận, đoàn biểu tình bắt giữ gia đình một phó lãnh binh và các lính tập, cùng 6 lính đồng. Họ còn nhận sông chết hàng chục người từ chối “xuống đường”. Ngày 17/4, Levecque ra lệnh thắt tay đối phó. Lính Pháp nổ súng vào đám đông. Theo chính quyền, khoảng 40 người biểu tình chết hoặc bị thương. Đơn khiếu nại của nông dân Quảng Ngãi ngày 20/4/1908 [20/3 Mậu Thân] gửi Toàn quyền cho rằng số thương vong lên tới hàng trăm.(25)

25 Báo cáo tháng 3 & 4/1908, R/Quảng Ngãi gửi RSA; CAOM (Aix), GGI, d. 5887.

Phong trào chống sưu dịch lan nhanh vào Bình Định và ngược ra Thừa Thiên.

Biên độ những cuộc biểu tình lên cao nhất tại Bình Định. Dân chúng bỏ phương thức tranh đấu bất bạo động, sử dụng bạo lực. Điểm nổ đầu tiên là Bồng Sơn, phủ lỵ giáp ranh Quảng Ngãi. Do sự khích động của những đoàn *cúp tóc* từ Quảng Ngãi kéo vào, dân Bồng Sơn nổi lên, lũ lượt kéo về dinh Tổng Đốc ở phía Nam. Dọc đường, đoàn biểu tình ngày thêm đông. Ngày 16/4, khoảng 3, 4 nghìn người vây quanh dinh Tổng đốc (tại ngã ba Quốc lộ 1 và 19). Trong khi đó, tại các địa phương, đặc biệt là huyện miền núi Bình Khê, dân chúng bắt giữ hương chức, nhân viên thu thuế và các chủ thầu thuế chợ. Họ còn tịch thu bằng sắc và ấn triện của các lý trưởng, chánh tổng, tạo nên tình trạng vô chính quyền khắp nơi.

Ngày 18/4, hai đại đội bộ binh Pháp đổ bộ xuống Qui Nhơn. 100 lính da trắng khác cũng từ Quảng Ngãi kéo xuống Bồng Sơn. Ngoài ra, Levecque tăng viện cho Bình Định nhiều đội lính tập, lính đồng và đích thân vào tận nơi giải quyết. Từ đầu tháng 5/1908, Công sứ Pháp quyết định cho các đội tuần tiễu được tự do nổ súng, giết hoặc làm bị thương “**giặc đồng bào**” để thị oai. Đồng thời, cách chức Tổng đốc Bình Định cùng một số tri huyện, tri phủ, và xuống tay mạnh với giới nho sĩ duy tân, kể cả Hồ Sĩ Tạo, một tri huyện đang cư tang mẹ tại quê. Chỉ trong vài tuần, trật tự dần dần được vãn hồi. Hàng trăm người tử nạn hoặc bị tổng giam, làm án trong vụ “loạn đồng bào” hay “loạn cúp tóc” trên. (26)

26. Báo cáo tháng 4 và tháng 5/1908, R/Qui Nhơn gửi RSA; Ibid., d. 5887.

Nông dân Thừa Thiên tụ họp ở Công Lương từ ngày 9/4, dự định đến Tòa Khâm nạp kiến nghị xin giảm thuế vào hôm sau. Ngày 10/4, Phủ Doãn mang một toán lính tới giải tán, thì bị ném đá. Một Phó quản lính đồng còn bắn chết một người toan làm đấm thuyền của Phủ Doãn. Đám đông liền ào tới, bắt Phủ Doãn và đoàn tùy tùng làm con tin. Viên Phó quản và toán lính đồng bị hành hung, ngâm nước và phơi nắng. Sáng ngày 11/4, một đội lính tập tới giải cứu Phủ Doãn nhưng không thành công. Khoảng 10 giờ sáng, hàng trăm người biểu tình mang Phủ Doãn tới Tòa Khâm xin giảm sưu thuế, bị lính tập trang bị gậy gộc, đẩy lui. Phủ Phụ chính bèn cử Tham tri bộ Hình cùng hai người khác tới Công Lương điều đình việc phóng thích con tin. Buổi trưa, đoàn biểu tình vây quanh dinh quan Việt, tuyên bố chỉ giải tán khi các nguyện vọng được thỏa mãn. Công sứ Huế bèn cho lệnh lính tập giải tán bằng gậy gộc.

4 giờ chiều cùng ngày, khoảng 1,000 người tụ họp trước dinh Công sứ, xin giảm thuế. Mờ sáng 12/4, một đại đội Lê Dương kéo tới Công Lương, quyết giải cứu Phủ Doãn. Đồng thời, lính kéo vào các thôn xã lân cận, bắt giữ 34 nông dân. Trong khi đó, lúc 7 giờ sáng cùng ngày, đoàn biểu tình xuất phát từ An Cựu lại kéo vào thành phố. Họ chia nhau thành từng nhóm khoảng 50-100 người, chiếm giữ các cửa vào nhà ga, và khoảng đường từ Bộ Công tới dinh các quan tỉnh. Chiều 13/4, Lê dương Pháp thẳng tay đàn áp sau khi đoàn biểu tình tấn công một đồn Cảnh sát ở chợ. Một số bị thương nặng. Hai người bị chết đuối.

Ngay đêm đó, Phủ Phụ chính theo lệnh Levecque ra chỉ thị cấm bắt cứ ai vào thành phố. Ngày 14/4, lính Pháp mạnh tay giải tán những đoàn biểu tình trước các dinh quan Việt. Hai người bị chết đuối, hai người khác trọng thương. Ngày 15/4, dân biểu tình rút về hướng Phú Bài, phía nam thành phố 15 cây số, rồi lần lượt giải tán. Những ngày kế tiếp, quan binh Pháp-Việt hành quân bố ráp, bắt giữ nhiều người, kể cả ba người cầm đầu là Âm Toàn, Âm Mãnh và Âm Mộng Trong số 25 người bị coi như thủ lĩnh, Danh Ngan, một cựu lính khổ đờ, đã trói và đe dọa các lính lệ ở Công Lương, bị làm án tử hình. Đỗ Huyền, lý trưởng làng Tây Phú, bị bắt ở An Cựu khi đang xúi dục dân biểu tình trở lại thành phố. Nguyễn Ngạc, tức Cậu Cả, con trai Nguyễn Tri Phương; một chủ sự về hưu; một võ quan ngũ phẩm; một cựu phụ đạo của Nguyễn Phước Biện (Huỳnh Bá Đám); cựu Tri huyện Nguyễn Can Định, và Hoàng Thông, một quan tứ phẩm, cựu học sinh Quốc Học, giáo sư trường Pháp-Việt, chủ nhân sở buôn ở Bảo Vĩnh; Trần Trọng Cảnh, Đốc học ở Phan Rang.(27) Đến cuối tháng 6/1908, tình hình mới tạm yên.

27. Rapport No. 33, 4/5/1908, R/Thua Thien gửi RSA; CAOM (Aix), GGI, d. 5887.

Phong trào dân biến ở phía Nam giảm hẳn cường độ ở Phú Yên, nhưng lại bùng nổ mạnh ở các tỉnh phía Bắc, ngoại trừ Nghệ An.

Tình hình Hà Tĩnh rồi loạn nhất. Toàn quyền Bonhoure phải tăng viện cho vùng này hai đại đội lính tập và ra lệnh thẳng tay thanh trừng giới nho sĩ; nhưng đến tháng 8/1908, cuộc dân biến mới coi như chấm dứt.

Khi cuộc dân biến vừa khởi dậy, Phan Chu Trinh đang ở Hà Nội. Thống sứ Miribel đã từng nói chuyện với Phó bảng Trinh, tán thành đề nghị hủy bỏ chế độ khoa cử cũ và mở các trường học mới ở Trung Kỳ, nên đề nghị chiêu dụng Phan Chu Trinh.(28) Nhưng ngày 29/3/1908, từ Faifo, Levecque—qua những lời kết tội của công sứ Charles, Tổng đốc Trung, Cơ Mật Viện trưởng Cương, v.. v...—yêu cầu Mirabel bắt giam Phó bảng Trinh. Ngày 10/4, Phan Chu Trinh bị bắt giải về Huế. Ba ngày sau, 13/4, Phủ Phụ Chính kết tội Trinh chủ xướng vụ nông dân Quảng Nam nổi dậy (*kích biến lương dân, mưu bợn vi hành*), và lên án tử hình. Levecque giảm còn chung thân khổ sai, rồi hôm sau, 14/4, ký nghị định đày Phan Chu Trinh ra Côn Đảo. Một năm sau, khi tái thẩm vụ Phan Chu Trinh ngày 8/3/1909, Phủ Phụ chính khẳng định vào tháng 4/1908, thoát tiên PPC buộc tội Trinh âm mưu làm loạn [*mưu bợn*], kết án chung thân, đày đi Lao Bảo. Nhưng Levecque muốn ra án tử hình vì tội "*mưu bợn dĩ hành*" (âm mưu làm loạn và đã làm loạn). Cuối cùng, PPC đổi thành "*mưu bợn vi hành*," (âm mưu nhưng không làm loạn). (29)

28. Báo cáo ngày 16/3/1908, Bonhoure gửi BTĐ; Ibid., GGI, dossier 5886.

29. Phan Chu Trinh, *A Complete Account*, 1983:124n 25.

Tại Khánh Hoà, dù chưa có biến động nào, ngày 16/4/1908 Bộ chính Phạm Ngọc Quát và một viên chức Pháp vẫn tới phủ Ninh Hòa, phía bắc Nha Trang 30 cây số, bắt Giáo Thụ Trần Quý Cáp cùng 9 người khác (6

giáo quan, 3 Đông y sĩ). Học trò Tiến sĩ Cáp, Trần Huỳnh Liên, cũng bị bắt khi kêu gọi dân chúng phản đối. Hôm sau, thêm 7 người “đầu trọc” mới từ Quảng Nam đi thuyền vào làm củi bị câu lưu vì có một chánh tổng tố cáo với Bố chánh Quát rằng họ từng đề nghị ông ta nổi dậy, sẽ có Nhật Bản giúp sức. Dù chỉ tìm thấy một bản *Hải Ngoại Huyết Thư* của Phan Bội Châu trong nhà trọ Tiến sĩ Cáp, quan tỉnh Khánh Hòa vẫn làm án tử hình ông, dựa theo lời khai của Nguyễn Tư Trực. Ngày Thứ Bảy, 13/6, Phủ Phụ chính duyệt xét bản án của tỉnh Khánh Hòa và y án Tiến sĩ Cáp. Riêng Trực, được giảm còn giam giữ. Hai ngày sau, 15/6, Trần Quý Cáp bị hành hình tại Khánh Hòa.(30) Vì số người bị bắt ở Khánh Hòa lên tới 66 người, mà chỉ có 50 lính lệ, Quát xin tuyển thêm lính và được chấp thuận. (31)

30. Tel. Cabinet 209C, 19/6/1908, RSA gửi Gougal; CAOM (Aix), d. 5886. Nên ghi thêm là tổng số 66 người. [Xem danh sách trong].

31. TTLTQG 1 (Hà Nội), *Mục lục Châu Bản Triều Duy Tân*, XIII:359; CAOM (Aix), GGI, d. 5886

Nhờ lập công lớn, Quát thăng đổi làm lãnh Tuần vũ hộ lý Hà Tĩnh. Ngày 14/7/1908, Quát cùng nhóm Cao Ngọc Lệ hoàn tất bản án định tội Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn và 23 người khác. (32)

32. TTLTQG 1 (Hà Nội), *Mục lục Châu Bản Triều Duy Tân*, X:182; CAOM (Aix), GGI, d. 5886.

Nhân biến động này, Levecque ra tay với tất cả các nho sĩ duy tân, bắt kể họ “chủ chiến” hay muốn hợp tác.

Độc học Cẩn bị tổng giam, giải về Hà Tĩnh. Bản án tỉnh Hà Tĩnh ngày 7/5/1908 kết tội Phan Bội Châu, Tiến sĩ Ngô Đức Kế, Giải nguyên Lê Văn Huân và Ấm [Lê] Võ, và bản án ngày 14/7/1908—dựa theo lời khai của Lê Văn Hạ, một cựu thủ hạ của Phan Đình Phùng—của tỉnh Hà Tĩnh giúp Phủ Phụ chính và Levecque giải quyết được cơn nhưc đầu “duy tân”: Ngày 14/8/1908, PPC kết án Tiến sĩ Ngô Đức Kế và Độc học Đặng Nguyên Cẩn giao giam hậu; Cử nhân Đặng Văn Bá và Tú Tài Lê Văn Huân bị 9 năm khổ sai; cùng 23 người khác bị đày ra Côn Đảo. (33)

33. Thư số 14-C ngày 27/6/1908, Levecque gửi Bonhoure; Ibid.; Thư số 281 ngày 14/8/1908, RSA gửi Gougal; (Aix), GGI, d. 5887.

Những vụ án khó giải quyết từ hơn năm trước đều tìm thấy đáp án. Hơn 50 khoa bảng tên tuổi—trong nỗi bàng hoàng phần hận của những người chủ trương “thờ người Pháp làm bậc thầy”—bị kết án khổ sai, đày đi Côn Lôn hay Lao Bảo. (34)

34. Phụ bản 6, “Thư Quảng Nam Thân sĩ gửi Toàn quyền Pháp (13/6/1908);” Chính Đạo, *Hồ Chí Minh, tập I: 1892-1924* (1997), đã dẫn, tr. 272-275; BAA, 1908, No. 9, pp 244-245; CAOM (Aix), AF, carton 22, d. A-30 (115).

Người đứng sau việc trói buộc các nhà khoa bảng, kể cả Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu, vào vụ dân biến là Charles, Hồ Đắc Trung, và Trương Như Cương. Trong buổi họp Viện Cơ Mật ngày 23/4, do Bonhoure chủ tọa, Cương cho rằng tổ chức của Phan Bội Châu đã

tung tin sai lạc, để xúi bậy dân chúng đòi giảm thuế và sưu dịch, mà theo Cương vừa phải, dân chúng có thể chịu đựng được. Ngày 3/5, trong báo cáo về vụ dân biển, Charles buộc Phan Chu Trinh tội chủ mưu.(35) Bonhoure cũng nghiêng dần theo Charles. Ngày 3/7, Bonhoure nhận xét rằng những bài thơ của Phan Chu Trinh, dưới hình thức triết lý, phản ánh những lý thuyết và tư tưởng cách mạng của những nhà cải lương Trung Hoa; và dù chúng không có dạng thức bạo động như những tài liệu của Phan Bội Châu nhưng có lẽ xảo quyết hơn, nguy hiểm hơn cho sự thống trị của Pháp. Gần ba tuần lễ sau, ngày 22/7, trong báo cáo tổng kết về vụ dân biển, Bonhoure còn lên án Phó Bảng Trinh là người khởi xướng phong trào chống sưu thuế toàn miền Trung.(36)

35. Biên bản buổi họp Phủ Phụ chính ngày 23/4/1908; & báo cáo ngày 3/5/1908, Charles gửi Khâm sứ; Ibid., GGI, dossier 5887.

36. Ibid., AF, carton 22, d. A-30 (115).

2. Vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội:

Mùa Hè 1908, một biến cố khác nổ ra ở Hà Nội. Khoảng 8 giờ tối 27/6/1908, 80 binh sĩ Pháp thuộc Trung đoàn 4 Pháo binh, và 125 binh sĩ Trung đoàn 9 Bộ binh bị ngộ độc sau bữa ăn tối. Vì thuốc độc quá nhẹ, không người nào bị thiệt mạng.

Cuộc đầu độc trên thực ra là bước đầu của một âm mưu nổi dậy đã chuẩn bị từ cuối năm 1907. Cuối tháng 3/1908, Công sứ Hà Đông [tức Hà Nội cũ] đã được mật báo về âm mưu này, nhưng không tìm ra dấu vết gì. Trước ngày hạn định, qua lời thú tội của một con chiên

tham dự âm mưu trên, một linh mục (cố Ân) mật báo cho viên chức Pháp biết trước. Bởi vậy, Tư lệnh Hà Nội, Trung tướng Piel, và cấp chỉ huy Pháp đã có những biện pháp kiểm soát mạnh, như thu súng của lính Việt và cấm quân. Đồng thời, mật thám Pháp mở rộng mạng lưới càn quét, bắt giữ hàng trăm người, kể cả Đồ Đàm, cựu đầu bếp, Hai Hiên, 2 Hạ sĩ quan (đội) và 1 lãnh binh.

Ngay ngày hôm sau, Bonhoure triệu tập một Hội đồng Đề Hình (theo điều 23 của Nghị định ngày 15/9/1896). Tuy nhiên Bonhoure chống lại áp lực của khoảng từ 250 tới 300 Pháp kiều tụ tập trước Dinh Toàn quyền, đòi phải hành quyết ngay các thủ phạm, và khẳng định những kẻ phạm tội phải được xét xử trước pháp luật. Ngày 6/7/1908, ba hạ sĩ quan Việt—Đội Binh, Đội Cốc và Đội Nhân—bị lên án tử hình, và xử chém hai ngày sau tại ba nơi trong thành phố Hà Nội, thủ cấp treo lên hầu cảnh cáo đám đông. Sau đó, trong các phiên xử ngày 16/7, 3/8 và 25/8 kết thêm 8 án tử hình, 4 chung thân, và 70 án tù. Tổng cộng: 13 tử hình, 31 án tù, 14 người được tha bổng. Những người bị tử hình: Ngày 3/8/1908, Hai Hiên, bếp Cai Nga, và Vũ Văn Xuân, Nguyễn Văn Ngọc tự Áo Dài và Thiên; Ngày 25/8/1908: Lang Seo, Cai Than, và Tran Van Ton; trong các phiên tòa ngày 10/9, 15/10, và 25/11/1908: Đồ Đàm, Đội Hồ, Do Vinh, Ang Chanh; hành quyết ngày 3/12/1908. (37)

37. Báo cáo ngày 6/3/1909; Ibid.; Gouvernement Général d'Indochine [GGI], Sureté Général, “L'Agitation anti-française dans les pays annamites de 1905 à 1918 [Biến loạn chống Pháp

tại các xứ An-nam-mít từ 1905 tới 1918];” Ibid., PA 13 [Papiers Jules Bride], pp 40-4, 49. Sẽ dẫn: “Agitation... 1905-1918.” Xem thêm Marr 1971, pp 193-94.

Tất cả những sĩ phu thuộc phong trào Đông độ—như Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc, Nguyễn Quyền ở miền Bắc, Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Lê Văn Huân v.. v.. ở miền Trung—đều bị trói buộc vào vụ đầu độc này. Cuộc điều tra của Pháp cũng tìm thấy Hoàng Hoa Thám (1846-1913) có liên hệ. Đề Thám đã là cái gai trong mắt người Pháp từ lâu. Tuổi ngày càng lớn, thế lực Đề Thám ngày thêm suy giảm. Bởi vậy, Đề Thám khéo léo cư xử, cố tránh tạo cơ hội cho Pháp động binh. Nhưng với những người Việt yêu nước, Đề Thám vẫn là tượng trưng của tinh thần kháng Pháp, một thứ hùm thiêng Yên Thế. Phan Bội Châu, chẳng hạn, đã hai lần tìm tới Thái Nguyên và đạt được một mật ước liên kết hoạt động. Một số thủ lĩnh người Hoa cũng tìm đến Yên Thế ra mắt Đề Thám.

C. Anthony Klobukowski ([26/6/1908] 24/9/1908-1911):

Ngày 26/6/1908, Klobukowski—một nhà ngoại giao, con rể của Paul Bert, từng làm việc với Thống đốc Thomson ở Sài Gòn, Tổng Trú sứ Bert và rồi Toàn quyền Constans ở Hà Nội, trước khi giữ những chức ngoại giao ở Nhật và Xiêm La—được bổ nhiệm chức Toàn quyền. Tuy nhiên, gần ba tháng sau mới tới Sài Gòn. Những cuộc biến loạn ở Đông Dương, và phản ứng của Pháp kiều, khiến Paris cho lệnh Klobukowski

theo đuổi một chính sách có thể gọi là “cây gậy và củ cà rốt”—nâng cao giá trị các quan lại, phân tán bớt quyền hành của chính phủ liên bang, và cải thiện những biện pháp như độc quyền công quản.

Trong những tháng “trăng mật,” Klobukowski đi chu du khắp nơi. Tại Huế, Klobukowski cho lệnh Phủ Phụ chính phải nghiên cứu việc cải tổ thuế thân và sưu dịch; nhưng cũng đồng thời đặt ra tiền lệ là từ nay các quan địa phương chỉ nhận lệnh trực tiếp từ các công sứ. Phủ Phụ chính, như thế, bị tước hầu hết quyền lực.⁽⁴⁰⁾ Tại Bắc Kỳ, thành lập một Hội đồng Tư vấn, một mô thức mới của Hội đồng Kỳ lão của Bert năm 1886.⁽⁴¹⁾

40. Biên bản buổi họp Phủ Phụ chính ngày 13/10/1908; CAOM (Aix), AF, carton 21, d. A-30 (113)

41. Thư ngày 2/10/1908, Klobukowski gửi BTTĐ; Ibid., carton 22, d. A-30 (115).

Mối bận tâm hàng đầu của Klobukowski vẫn là phong trào Đông Du. Ngày 30/1/1909, nhân dịp Klobukowski có mặt ở Huế, Phủ Phụ chính ra Dụ trừng phạt cha mẹ có con xuất ngoại bất hợp pháp. Trong khi đó, Klobukowski áp lực mạnh hơn với Tokyo để trục xuất Phan Bội Châu và Cường Để. Tháng 3/1909, Phan Bội Châu phải rời Hoàn Tân qua Hong Kong, rồi Xiêm La. Bảy tháng sau nữa, ngày 26/10/1909 đến lượt Cường Để.⁽⁴²⁾ Klobukowski còn dàn xếp với các viên chức thuộc địa Bri-tên tại Hong Kong và Thượng Hải để bắt giữ và trục xuất những nhà ái quốc lưu vong Việt.

42. Ibid., carton 21, A-30 (113); BAA (1908), số 21, tr. 569; CĐCMCD 1957, tr. 30-6; NB 1971, tr.

132-6. Xem thêm tờ khai của Nguyễn Thái Bạt ngày 23/12/1912; CAOM (Aix), 9 PA, carton 2.

Klobukowski cũng sửa đổi chính sách “chinh phục tinh thần” của Beau; bỏ Tổng Nha Giáo dục Công lập (Nghị định ngày 16/3/1909), đóng cửa Đại học Đông Dương, và giải thể Hội đồng Hoàn thiện Giáo dục. Klobukowski còn đẩy mạnh kế hoạch **sử dụng chữ quốc ngữ mới, cho lệnh từ nay tất cả các công văn bằng chữ Hán phải kèm theo bản dịch quốc ngữ**. Tất cả sổ bộ tịch (khai sinh, giá thú) cũng phải dùng hai loại văn tự. Các viên chức tổng và xã sẽ được khen thưởng nếu khuyến khích việc truyền bá chữ quốc ngữ. Tất cả các dịch lại tại dinh sở các quan Việt trong vòng một năm phải đọc và viết được tiếng Việt, bằng không sẽ ngưng thăng thưởng.(43)

43. Báo cáo ngày 24/8/1910, Klobukowski gửi BTTĐ; Ibid., carton 10, d. A-20 (63); Cao Huy Thuần 1990, p 386.

Tuy nhiên, vì nhu cầu thông ngôn và thư ký vẫn còn thiếu và phần nào để giải tỏa tình trạng “thất nghiệp” của các nho sĩ mà Paris cho là nguồn gốc của sự tình hình bất ổn dưới thời Beau, ngày 14/4/1909 Klobukowski thành lập thêm một phân khoa sư phạm để đào tạo **huấn đạo** (giáo quan cấp huyện, từ chánh bát phẩm tới chánh thất phẩm) và **giáo thụ** (giáo quan cấp phủ, từ tòng lục phẩm tới tòng ngũ phẩm). Cho tới năm 1910, phân khoa này đặt dưới quyền phòng 2 của Phủ Thống sứ.(44) Klobukowski còn mở trường Luật [*Ecole de Droit*] với hai trụ sở Hà Nội và Sài Gòn. Học trình là

2 năm. Trường khai giảng tại Hà Nội ngày 15/4/1910. Trong niên khoá 1911-1912, Sài Gòn có 18 sinh viên, và Hà Nội 32 người.(45)

44. Ibid., Amiraux 47473. Ngạch giáo dục gồm 6 bậc: *su phạm* (tòng bát phẩm), *huấn đạo* (huyện), *giáo thụ* (phủ), *điền học* (Giáo quan một tỉnh nhỏ, từ chánh ngũ phẩm tới tòng tứ phẩm), *đốc học* (Giáo quan một tỉnh lớn, từ chánh tứ phẩm tới tòng tam phẩm), và *Thanh tra* (tòng nhị phẩm).

45. Nghị định thành lập trường Luật ngày 29/3/1910 do Albert Picquie ký. Picquie là Tổng thanh tra Thuộc địa, quyền Toàn quyền từ 13/1 tới 11/6/1910; Ibid., GGI, dossier 2687.

Đầu năm 1909, Klobukowski cũng chấm dứt chương trình gửi công chức bản xứ qua Pháp tu nghiệp—chương trình mà Beau tin tưởng là phương tiện hữu hiệu nhất và duy nhất để chống lại ảnh hưởng của Nhật Bản.(46)

46. Ibid., dossier 2562.

Trong số 20 người bị gửi về nước ngày 30/11/1908, có Hồ Đắc Đệ, giáo viên Pháp văn trường Quốc học, em (hoặc anh) của Hồ Đắc Trung, và Lương Văn Phúc.

Phân khoa bản xứ của trường Thuộc Địa ở Paris vẫn được duy trì, chỉ thay đổi cách tuyển chọn khoá sinh. Từ nay, chỉ những người tốt nghiệp thi Hương hay Hội, và các âm sinh mới được tuyển chọn. Sau đó, ngày 30/10/1908, gom tất cả những cơ quan ở Pháp—như *Alliance française*, *Collège de France*, *Ecole coloniale* (section d'Indigènes), *Ecole des langues orientales*,

Ecole Jule Ferry, Ecole supérieure d'agriculture coloniale, Faculté des Sciences de Paris, Mission laïque, Institut commercial de Paris, và Jardin colonial de Nogen—thành Đoàn Giáo dục Đông Dương (Groupe de l'Enseignement indochinois en France).(47)

47. Báo cáo ngày 7/2/1907; Ibid., AF, carton 9, d. A-20 (54).

Một trong những nạn nhân của nghị định này là Nguyễn Tất Thành, bí danh đầu tiên của Nguyễn Sinh Côn—hai đơn xin nhập học trường Thuộc Địa Paris đề ngày 15/9/1911, gửi đi từ Marseille, đã bị từ chối, vì “Monsieur Thành” không thuộc diện do Chính phủ Liên Bang Đông Dương gửi đi.(48)

48. Thư ngày 21/10/1911, Phó Hiệu trưởng trường Thuộc Địa gửi “Monsieur Nguyễn Tất Thành” (Marseille); do Vũ Ngự Chiêu phát hiện ngày 2/2/1983, tại Văn khố Trường Thuộc Địa, trên đường Oudinot, quận VII, Paris; Vũ Ngự Chiêu và Nguyễn Thế Anh, *Một ngôi trường khác cho Nguyễn Tất Thành / Another School for Young Nguyen Tat Thanh / Une autre école pour le jeune Nguyen Tat Thanh* (Paris: Văn Hoá, 1983). Hai thư xin nhập học Trường Thuộc Địa của Nguyễn Tất Thành ngày 15/9/1911 được trích đăng trong Vũ Ngự Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, *Nhục Hận Biển Đông Nam Á: Kiện hay Không Kiện?*, 3 tập (Fountain Valley, CA: Hợp Lưu, 2015-2016), tập II, tr 382-383. Ngoài ra, còn nhiều tư liệu về Nguyễn Sinh Côn và liên hệ với Đảng Cộng Sản Trung Hoa; Ibid., tập III (Bổ túc).

Với Hội truyền giáo, thái độ Klobukowski quay đủ một vòng 180 độ. Khi rời Pháp qua Đông Dương, Klobukowski tuyên bố: “*Giáo hội chủ nghĩa không thể xuất cảng.*” Nhưng vừa tới Hà Nội, Klobukowski cam đoan với Gendreau, Giám mục Đường Ngoài Tây: “*Chống Giáo hội chủ nghĩa không thể xuất cảng.*”(49) Giao tình giữa Klobukowski với các giáo sĩ rất tốt đẹp. Klobukowski cũng quyết nhổ hết những cái gai “kháng Pháp” trước mắt, hầu chinh phục đám đông thâm lặng, tức giới nông dân và công nhân, đã bị các sĩ phu “bất mãn” dọa nạt, bóc lột, khiến một cổ hai tròng—một lối biện minh quen thuộc của giới quân đội và giáo sĩ.

49. Patrick J. N. Tuck, *French Catholic Missionaries and the Politics of Imperialism in Vietnam, 1857-1914: A Documentary Survey*. (London: Liverpool Univ. Press, 1985), p 287.

Hoàng Hoa Thám trở thành nạn nhân đầu tiên của Klobukowski. Sau khi xác định Đề Thám dính líu vào âm mưu nổi dậy ở Hà Nội mùa Hè 1908, Klobukowski cho lệnh tấn công căn cứ Yên Thế. Ngày 27/1/1909, đồn điền Phồn Xương bị phá tan. Tháng 7/1909, Đề Thám bắt cóc một con tin Pháp, định dùng để nghị hòa, nhưng Klobukowski không nhượng bộ. Các toán quân Pháp tiếp tục truy đuổi Đề Thám thật gắt gao.

Quân đội và các viên chức Pháp cũng được lệnh truy diệt các lãnh tụ Cần Vương còn sống sót ở vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh và Quảng Nam. Trong đệ nhất lục cá nguyệt năm 1910, Công sứ Pierre Pasquier ở Thanh Hoá và Công sứ Nghệ An hạ sát được một phụ tá đặc lực của

Phan Bội Châu là Đặng Thái Thân (11/3/1910), bắt giữ một số cán bộ khác như Âm Chước (10/1/1910), Nguyễn Thu Xiêm (27/1/1910), Tú Ngôn (5/3/1910), Ung Khuê, Nguyễn Châu (11/3/1910), và săn đuổi gặt gao Âm [Lê] Võ cũng như Đội Quyên. Vợ con của Cường Để cũng bị bắt.(50)

50. *NB* (Sài Gòn: 1971), tr. 138-39; Báo cáo chính trị năm 1910, trong CAOM (Aix), GGI, F-03 (55) & (56); *Ibid.*, AF, carton 24, d. A-50 (34) & d. A-20 (54); Marr 1971, p 150, n107. Đặng Thái Thân còn có biệt danh là Ngư Hải tiên sinh.

Để chinh phục đám đông thâm lặng, Klobukowski có vài biện pháp cải cách. Vấn đề thời sự nóng bỏng nhất lúc bấy giờ là sưu dịch. Tại Bắc Kỳ, ngày 9/12/1908, Klobukowski ký nghị định cho mua bằng tiền tất cả 10 ngày sưu dịch với giá 0.15 đồng một ngày, hay 1.5 đồng mỗi năm. Tiền này bỏ vào quỹ hàng tỉnh. Sau khi ngân sách hàng tỉnh bị bãi bỏ năm 1911, tổng số tiền mua sưu dịch ở Bắc Kỳ năm 1912 là 765,000 đồng. Tại An Nam, ngày 31/12/1908, Klobukowski phê chuẩn Dự ngày 4/12/1908 của Viện Cơ Mật, chia đều sưu dịch làm năm [5] ngày sưu tỉnh, và năm [5] ngày sưu xã. Trong số năm [5] ngày sưu tỉnh, hai [2] ngày phải mua lại bằng tiền với giá 2 hào (20 xu) mỗi ngày. Ba ngày còn lại có thể mua, hay tự lao động. Ngoài ra, số ngày sưu tỉnh bị hạn chế trong phạm vi tổng hay huyện, ngoài phạm vi này phải có phép Viện Cơ Mật. Năm 1913, ngân sách Trung Kỳ dự trừ thu được 364,500 đồng trên khoản mua sưu dịch.(51)

51. CAOM (Aix), 9PA, carton 4. Một trong những vấn đề khiến cố vấn Mỹ bận tâm nhất thời Đệ Nhất Cộng Hòa là chính sách sưu dịch [lao công bắt buộc] của nông dân trong các kế hoạch dinh điền và Ấp Chiến Lược. *FRUS, 1961-1963, II:1962, pp 475-78 [TL 229]*

[Thứ Ba, 26/6/1962: Trước khi về nước, Mendenhall gặp Phó TT Nguyễn Ngọc Thơ từ già. Bàn về ACL, Thơ đồng ý với Mendenhall là việc thực thi làm mất lòng dân. Thơ muốn dân chúng được trả tiền công lao động. Nêu ra cuộc phục kích cách Bến Cát chừng 2 dặm, trong đó 2 lính Mỹ tử thương, làm bằng chứng: **Dân chúng không thông báo cho quân đội biết tin tức về VC.**

Hiện nay không đủ tiền, không đủ cán bộ, không đủ lực lượng quân sự bảo vệ an ninh cho việc bành trướng quá mức kế hoạch xây dựng ACL. Vấn đề tổ chức chính quyền gây nhiều trở ngại. Mỹ có thể trực tiếp xuống các tỉnh trong một số kế hoạch nào đó, nếu được chính phủ trung ương chấp thuận. Như màn lưới an ninh. (II:476) Thơ nói đừng tin con số thương vong VC chính phủ đưa ra. Trong đó, có dân thường. Nếu giết được ngàn ấy VC, chiến tranh đã chấm dứt. Vài tuần trước, có tin đồn Nhu đe sẽ giết chết Thơ nếu có đảo chính. Thơ muốn chết trong tay VC hơn tay bạn. (II:477-78) (II:475-78 [TL 229])

Thái độ của Klobukowski với các nhóm duy tân “thờ người Pháp làm bậc thầy để cầu tiến bộ” có vẻ ôn hòa hơn. Một trong những lý do là trước ngày rời Paris,

Klobukowski được chỉ thị phải tuyên bố chính sách “liên kết” [*collaboration*]. Trong khi đó, ngay sau khi Phan Chu Trinh bị bắt, ký giả Ernest Babut, Giám đốc tờ báo song ngữ (Hán-Việt) *Đại Việt Tân Báo* ở Hà Nội, vận động Hội Bảo Vệ Nhân và Dân Quyền can thiệp. Ngày 19/3/1909, Dân biểu Francis de Pressensé, Chủ tịch Hội Bảo vệ Nhân và Dân quyền Pháp, đích thân yêu cầu trả tự do cho Phó bảng Trinh. Phần Klobukowski—dù tin Phan Chu Trinh có tội—cũng muốn cho Trinh một cơ hội mới. Trong báo cáo lên Bộ Thuộc địa ngày 19/3/1909—giữa lúc Quốc Hội Pháp đang chuẩn bị tranh luận về vấn đề Đông Dương—Klobukowski tiết lộ có ý định nói chuyện với Phó bảng Trinh trong chuyến kinh lý các nhà tù miền Nam vào tháng 7/1909 sắp tới. Nhưng phải hơn một năm sau, mãi tới ngày 24/6/1910, Phan Chu Trinh mới được tái xét xử, phóng thích và chỉ định cư trú ở Mỹ Tho. Sự chậm trễ này phần nào vì những ý kiến chống đối của Pháp kiều tại Đông Dương, đặc biệt là giới quan lại mới nổi mà Phan Chu Trinh không tiếc lời đả kích trong *Đầu Pháp Chính Phủ* Thư năm trước.

Tân Khâm sứ Jean Groleau (1908-1911) cũng khẳng quyết Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu, dù thuộc hai đảng khác nhau, chủ xướng vụ dân biến 1908. Ngày 3/10/1910, Groleau vẫn còn “hy vọng” rằng sau khi ra tù, Phan Chu Trinh sẽ thực lòng hợp tác.(52)

52. CAOM (Aix), GGI, d. 5886. Xem thêm báo cáo tổng quát năm 1908, ngày 29/5/1909, Groleau gửi Toàn quyền; Ibid., GGI, F-03 (54).

Hội Truyền giáo cũng chống chính sách “hợp tác.” Chủ trương của Hội là “thống trị” và “đồng hoá,” nhằm tiến tới Ki-tô hoá toàn thể dân Việt, hoặc ít nữa đưa các giáo dân Ki-tô lên hàng ngũ cai trị trung gian. Vì, theo cơ quan ngôn luận của Hội Truyền giáo, “**mơ ước được người Việt mến yêu qua chủ trương hợp tác, cũng chẳng khác gì nước Prussia (Phổ) mơ ước dân Alsace thương yêu họ.**”(53)

53. *L’Avenir du Tonkin* (Hà Nội), 14/6/1910, & 2/3/1910; Báo cáo năm 1913 của Violette, Phúc trình viên (*rapporteur*) ngân sách thuộc địa năm 1911, 1912, và 1913; Cao Huy Thuần 1990, pp 395-97. Alsace là vùng đất tranh chấp lâu đời giữa Germany và Pháp.

Klobukowski còn gặp khó khăn với giới lập pháp Paris. Ngày 2/4/1909, Dân biểu Xã hội de Pressensé tường trình trước Hạ viện về hiện tình Đông Dương, nêu lên những tệ trạng như tăng thuế thân quá mức từ 14 xu lên 2.5 đồng, tệ nạn độc quyền rượu, muối và thuốc phiện, tuyển mộ quan cai trị và án sát trong giới thông ngôn, bồi bếp của các viên chức Pháp, và những vụ đàn áp chính trị nghiêm ngặt (trường hợp Phan Chu Trinh, đầu độc trại lính Hà Nội). Rồi, cảnh giác rằng đừng nên “lừa bịp” (*infliger des déceptions*) dân bản xứ bằng những lời nói không đi đôi với việc làm; và cần thực hiện ngay chính sách “hợp tác.” Quốc Hội Pháp, sau phần tường trình của Bộ trưởng Thuộc địa Millières-Lacroix, thông qua một nghị quyết do de Pressensé soạn thảo, khẳng định chính sách hợp tác là cần thiết cho sự no ấm của

dân chúng và an ninh của các lãnh thổ Pháp tại Viễn Đông.(54)

54. *JORF, Débats parlementaires (3/4/1909)*, tr. 980, 981-3, 984, 989, 993.

Đầu năm 1910, Klobukowski phải về nước tham khảo ý kiến, và trở lại Đông Dương vào tháng 6 cùng năm. Tuy nhiên, chỉ nửa năm sau, Klobukowski lại về nước. Paul Louis Luce (11/1910-15/11/1911) được XLTV Toàn quyền.

D. Paul Louis Luce (11/1910-15/11/1911)

Từ Paris, Klobukowski cho lệnh Luce cấp học bổng cho Phó Bảng Trinh cùng con trai là Phan Chu Dật, lúc ấy mới 8 tuổi, qua Pháp. Ngày 18/11/1910, Luce ký nghị định cho cha con Phó Bảng Trinh qua Pháp. Mỗi tháng sẽ trợ cấp 150 quan mỗi người, trong vòng 6 tháng, do ngân quỹ Liên bang đài thọ (55)

55. *JOIF* [H Nội], XXIII:26 [30/3/1911], pp 678-679.

Ngày 13/3/1911, Luce thông báo cho Thống đốc Nam Kỳ biết là Phan Chu Trinh và Dật sẽ qua Pháp ngày 1/4/1911. Tháp tùng có Couzineau, Tham biện Mỹ Tho, về Pháp nghỉ. Trong thư cùng ngày gửi Khâm sứ Huế Henri Sestier, Luce nói tương tự, và thêm rằng hai người được đặt dưới sự quản trị của Julien Fourès, Giám đốc Đoàn Giáo dục Đông Dương tại Pháp. (56)

56. CAOM (Aix), Indo, GGI:2578.

Vì trợ cấp của chính phủ Đông Dương quá ít—300 quan hay 12 đồng Đông Dương một tháng—Fourès, đề nghị và được Klobukowski đồng ý tăng “lương” tháng lên 450 quan; nhưng rút thời gian ở Pháp từ sáu xuống bốn tháng. Bộ trưởng Thuộc Địa Adolphe Messimy cũng tiếp kiến Phó bảng Trinh để dò hỏi về tình hình Đông Dương. Tuy nhiên, ngày 1/6/1911, Klobukowski được bổ nhiệm làm Đại sứ Belgium. Messimy cử Dân biểu Albert Sarraut (Sa Lộ) lên thay trong thời hạn 6 tháng. Sarraut chưa kịp lên đường thì Messimy rời Bộ Thuộc Địa vào ngày 27/6. Tân Bộ trưởng Thuộc Địa Albert Lebrun tạm giữ Sarraut ở Paris.

Sự thay đổi này khiến Phan Chu Trinh bối rối chẳng hiểu số phận mình sẽ ra sao. Được hỏi về dự tính tương lai, lúc Phan Chu Trinh nói muốn sống ở Pháp, khi nghĩ sẽ về Sài Gòn sống bằng nghề báo. Ngày 18/7, Trinh viết thư cho Sarraut, xin ở lại Pháp thêm một năm để “lãnh hội văn minh” và học tiếng Pháp. Hôm sau, khi Jules Roux đưa trình lá đơn của Trinh, Sarraut chấp thuận ngay. Hôm sau nữa, ngày 20/7, Roux hoan hỉ thông báo cho “em” Trinh biết rằng Sarraut “**đã xem cái thư [ngày 18/7/1911] ấy**” và “**ung cho các điều em tỏ ra trong cái thư ấy.**”(57)

57. CAOM (Aix), Indo, RSA, F1; Indo, GGI, dossiers 2563, 2578; & 9 PA, Cartons 2 & 3; *JOIF* (Hà Nội), XXIII:26 (30/3/1911), pp 678-679.

Qua tháng 9/1911, Sarraut còn tiếp kiến Phan Chu Trinh, rồi, sai Roux tới giúp Phó bảng Trinh dịch bản điều trần về vụ chống sưu thuế 1908. Bản điều trần thống thiết—nhưng có nhiều chi tiết làm lạc và quá

đáng [như cách xử tử “lăng đèn,” hay Tiến sĩ Cáp bị chém trong vòng 24 giờ dù đã có lệnh ân xá của Huế]—không đủ sức minh oan cho Tiến Sĩ Kháng, Phó bảng Cần, hay Cử Nhân Phan Thúc Điện.

E. Albert Sarraut ([1/6] 15/11/1911-

Sarraut tới Hà Nội ngày 15/11/1911, giữa không khí sôi động của cuộc cách mạng Tân Hợi ở Trung Hoa. Ấn tượng của những cuộc biểu tình rầm rộ ở Sư Tử Thành [Singapore], hay Chợ Lớn—với lễ cắt bím đuôi sam biểu trưng của nhà Thanh cùng điện văn ủng hộ chính phủ Cộng hòa lâm thời ở Yên Kinh mà Sarraut có dịp chứng kiến tận mắt trên hải trình đáo nhậm nhiệm sở—khiến Sarraut tái duyệt xét toàn bộ chính sách thuộc địa theo tinh thần Nghị quyết “hợp tác” ngày 2/4/1909 của Quốc Hội. Công tác của Sarraut phần nào dễ dàng hơn nhờ sự ủy quyền rộng rãi qua đạo Luật ngày 20/10/1911 của chính phủ Pháp, **cho phép Toàn quyền Đông Dương được cai trị bằng Nghị định do chính Toàn quyền ban hành.**

Đối diện mới “hoàng họa” [Yellow Peril] mới—có phần đáng sợ hơn hiểm họa Nhật Bản (chiếm Đài Loan và Triều Tiên năm 1895, chiếm cảng Port Arthur của Mãn châu năm 1905, và mới sát nhập Triều Tiên năm 1910), vì liên hệ địa lý, chính trị, và văn hoá với Đại Nam—Sarraut quyết định dẫn dắt cuộc duy tân ở Đại Nam theo chiều thuận lợi nhất cho chế độ Bảo hộ, trong khuôn khổ “tiên hoá” [*évolution*] mà không phải “cách mạng” [*révolution*], và trên căn bản “hợp tác” hay “liên kết.” Sự “hợp tác” của Sarraut, tương cần nhấn mạnh, có điều kiện. Sarraut chỉ muốn hợp tác với giai cấp

thượng lưu bản xứ trung kiên, tức những quan lại và người Việt đã “Pháp hoá,” hay những người “văn minh” [*civilisé*]—hiểu theo nghĩa những người (1) nói thạo tiếng Pháp, và (2) công khai biểu lộ sự trung thành với Bảo hộ.

Trong mắt Sarraut, giáo dục sẽ là một trong những phương tiện hữu hiệu nhất để mở rộng ảnh hưởng Pháp, “giải phóng” tâm trí người Việt khỏi sự nô lệ tinh thần và luân lý với Trung Hoa. Trên phương diện thực hành, hai ngôn ngữ giảng dạy sẽ là tiếng Pháp và quốc ngữ mới, phần chữ Hán chỉ rất hạn chế. Then chốt của sách lược trên là sẽ khiến người Việt chỉ có thể được làm quen với những tư tưởng mới qua trung gian Pháp. Tóm lại, “cuộc chinh phục tinh thần vương quốc An Nam sẽ thực hiện qua ngôn ngữ và văn chương Pháp.”(58)

58. Ibid., INF, carton 101, d. 975; Báo cáo ngày 6/3/1912, Sarraut gửi Bộ Thuộc địa; Ibid., AF, carton 10, d. A-20 (65); Cao Huy Thuần 1990, pp 398-399.

Để thực hiện chủ đích này, một mặt, Sarraut mở rộng chương trình giáo dục công lập các cấp sơ học, tiểu học, chuyên nghiệp và “bổ túc” (trung học). Sarraut dự trù chấm dứt thi Hương ở miền Bắc vào tháng 12/1915, và ân khoá 1918 sẽ là kỳ thi Hội cuối cùng ở An Nam. Trong giai đoạn chuyển tiếp, tiếng Pháp và quốc ngữ mới, dựa theo chữ cái Latin và 5 dấu âm điệu của tiếng Portugal, được đan dần vào chương trình học cũng như thi tốt nghiệp. Những môn học mới như địa lý, cách trí (khoa học thực nghiệm), toán học Tây phương cũng được giảng dạy.

Việc đào tạo quan lại từ nay sẽ huấn luyện tại nội địa. Phân khoa bản xứ của trường Thuộc Địa Pháp bị bãi bỏ, vì Ban Giám đốc trường này chỉ muốn nhận học sinh từ 15 tới 20 tuổi, và chưa hề có quan tước.(59)

59. Biên bản buổi họp số 336 của Hội đồng Quản trị; Ibid., ECOLE COLONIALE, Registre 5, pp 413-415. Không biết sự thay đổi này, năm 1912, Nguyễn Sinh Côn còn viết thư cho anh ruột là Nguyễn Tất Đạt, yêu cầu viết thư cho Sarraut về hai lá đơn xin nhập học trường Thuộc Địa.

Tại Bắc Kỳ, ngày 18/4/1912, trường Hậu Bô Hà Nội đổi tên thành trường Sĩ Hoạn. Học trình kéo dài 3 năm. Ngoài phân sinh ngữ và quốc ngữ, học viên được học luật An Nam (Thân Trọng Huệ làm giáo sư), và Khoa học (Lê Văn Huyền phụ trách). Từ ngày 2/1/1914, Thống sứ Léon Destenay chia trường Sĩ Hoạn làm 2 phân khoa: một, dành cho Hậu bô (giống như nghị định ngày 18/4/1912) và một, dành cho học sinh có bằng Trung học. Trong số các học viên tốt nghiệp năm 1911, có Cử nhân Bùi Bằng Đoàn, 21 tuổi; Bùi Thiện Cơ, ám sinh, 18 tuổi, (sau gửi qua Pháp, không thi tốt nghiệp). Trong số tốt nghiệp khoá 1912, có Lương Văn Phúc, được đặc cách nhận vào, vì là “con nuôi” Lương Tam Kỳ, tri phủ Quảng Oai, Sơn Tây, và từng gửi qua Pháp năm 1908. Phan Kế Toại, mới từ Pháp về, được vào thẳng năm thứ ba, vì đã ở Pháp 2 năm.(60)

60. Ibid., Amiraux 47473.

Tại Huế, tháng 5/1911, tái lập trường Hậu Bô, học trình kéo dài ba năm, gồm 34 học sinh (30 người đã đậu

thi Hương hoặc thi Hội, 2 tôn sinh và 2 ám sinh có bằng Tú Tài.(61) Ngày 18/5/1911, Toàn quyền phê chuẩn.

61. Báo cáo ngày 1/5/1911, Khâm sứ gửi Toàn quyền; Ibid., Amiraux 47473, 51112.

Trường Quốc học thi từ ngày 1/12/1913, một nửa nội trú, giá 8 đồng, bán nội trú, 4 đồng, và ngoại trú, giá 1 đồng. Chương trình học 10 tháng một năm. (62)

62. Ibid., Amiraux 23750, & 51077.

Về tổ chức chính quyền liên bang, Thượng Hội đồng do Doumer thành lập được thay thế bằng Hội đồng Chính phủ, gồm 5 đại diện bản xứ của 5 xứ Đông Dương. Các Hội đồng thành phố và tổng, xã được bầu cử.

Sarraut cũng ra nhiều nghị định thành lập những khung căn bản cho việc cải thiện xã hội bản xứ. Ngày 16/10/1912, ra hai nghị định thiết lập hộ tịch tại Nam Kỳ và Bắc Kỳ-Trung Kỳ. Nghị định ngày 9/2/1912 bãi bỏ tất cả những cực hình (*châtiments corporels*). Nghị định ngày 14/11/1912 thiết lập Tòa Kháng Án số 4, cho phép mọi người khiếu nại những oan ức. Nghị định ngày 3/4/1912, thiết lập qui chế công chức bản xứ tại Bắc Kỳ, và thiết lập ngạch giáo dục bản xứ. Các ngành y tế nông thôn, hay cải thiện đê điều đều được đẩy mạnh. Do đề nghị của Sarraut, Sắc luật ngày 26/12/1912 còn cho phép Đông Dương vay 90 triệu đồng để phát triển lục lộ (công chính).(64)

64. Ibid., 9PA, carton 4.

Nhưng từ năm 1913, những cuộc bạo động ở Bắc Kỳ tạo cơ hội cho các thế lực bảo thủ chống lại chính sách “tiến bộ” (*libéral*) của Sarraut. Ngày 30/4/1913, 200 Pháp kiều biểu tình ở Sài Gòn phản đối chính sách “nguy hại” của Sarraut. Henri de Montpezat, đại biểu Trung Kỳ và Bắc Kỳ tại Pháp, một nhân vật chịu ảnh hưởng của Hội Truyền giáo, cũng công khai đả kích Sarraut. Khi Sarraut đề nghị cho người Việt được quyền theo lớp huấn luyện sĩ quan, de Montpezat không dấu diếm sự lo ngại rằng những sĩ quan Việt tương lai này sẽ chỉ có một lý tưởng là đánh đuổi người Pháp khỏi đất nước. Bằng không, họ chỉ là những tên “bồi” của Pháp, và nếu thế không xứng đáng mang lon sĩ quan.(65)

65. Paul Isoart, *Le phénomène national vietnamien* (Paris: Librairie général de droit et de jurisprudence, 1961), p 213.

Hội Truyền giáo, qua tờ *L'Avenir du Tonkin [Tương lai Bắc Kỳ]*, cũng gia nhập chiến dịch chống Sarraut. Cơ quan ngôn luận của Hội Truyền giáo chỉ trích thái độ hòa hoãn với dân bản xứ là dấu hiệu của sự sợ hãi, yếu đuối, chỉ khiến sự nguy hiểm ngày thêm gia tăng. Về việc cân nhắc người bản xứ trong hàng ngũ công chức và quân đội, Hội truyền giáo công khai khích động tinh thần kỳ thị chủng tộc:

Nền chính trị mới nhằm cho những người đã đồng hóa từ từ trở thành công dân, cho chúng làm chánh án, rồi nhà cai trị, giống như đã xảy ra ở Phi châu. Và trong vài năm, không còn một lý do nào để không chọn từ người bản xứ những Khâm sứ, Thống sứ, những Tổng thư ký, và Toàn quyền. Về

quân đội, theo những giấc mơ của Tướng Pennequin, nó sẽ gồm toàn dân bản xứ và do các sĩ quan bản xứ chỉ huy. Như thế người Pháp sẽ làm gì tại xứ Bảo hộ? Có lẽ vài binh sĩ Âu châu sẽ trở thành lính hầu của quý ông sĩ quan bản xứ.(66)

66. *L'Avenir du Tonkin*, 21/10/1912; Cao Huy Thuần 1990, p 402.

L'Avenir de Tonkin cùng Hội truyền giáo cũng phản ảnh trung thực sự kỳ thị chủng tộc nền tảng của chế độ thực dân (Bảo hộ) qua bài viết của Pierre Mille giữa cao trào đã kích quyết định chấp nhận học sinh Việt vào các trường *lycée* Pháp (từ trước đến nay chỉ dành cho trẻ em Pháp). Mille kết luận bài viết của mình trên cơ quan ngôn luận của Hội Truyền giáo như sau:

Tại Đông Dương một tên da vàng không thể được đối xử giống như một người da trắng. Đó là sự khôn ngoan và một nền chính trị ước muốn.(67)

67. *L'Avenir du Tonkin*, 7/8/1912; Cao Huy Thuần 1990, p 403.

Với triều đình Huế, chính sách của cả ba Toàn quyền Pháp không có gì thay đổi. Vì Beau đã tạo tiền lệ giao phó cho các Khâm sứ thi hành thiên mệnh Đại Pháp ở Huế nói riêng và 12 tỉnh An Nam nói chung, chính các Khâm sứ Pháp đảm nhiệm vai trò “Thái Thượng Hoàng” hoặc “Thiên sứ” của ấu vương Nguyễn Phúc Hoảng. Trong khi đó, Phủ Phụ Chính qui tụ toàn những thành phần luôn luôn công khai bày tỏ lòng trung thành với Pháp.

Nạn nhân đầu tiên của những biến động tại Trung Kỳ là Levecque. Từ ngày 15/8/1908, Klobukowski đã cách chức Levecque, và 5 ngày sau vẫn chưa bổ nhiệm người thay. Cuối cùng, Jean Groleau được chọn, nhưng Paul Dufrenil phải tạm thời xử lý trong khi chờ Groleau đến Huế. Dưới thời Groleau và người kế vị, Henri Sestier, hầu như không một biến cố đáng kể nào xảy ra ở Huế. Để xoa dịu sự chống đối của dân chúng, Groleau quyết định giảm sưu dịch cho tỉnh từ 8 xuống 5 ngày, hiệu lực tức khắc. Đồng thời, giao cho các làng phụ trách việc thu thuế chợ.⁽⁶⁸⁾ Chỉ từ năm 1912, khi Georges Mahé (1/1912-4/1913) và rồi Jean Charles (6/1913-5/1919) làm Khâm sứ mới có những biến cố đáng ghi nhận.

68. Báo cáo tổng quát năm 1908, ngày 25/9/1909, Groleau gửi Toàn quyền; CAOM (Aix), GGI, F-03 (54). Groleau được bổ nhiệm ngày 20/8/1908; *BAA* (1908), số 18, tr. 498-9; số 19, tr. 512.

F. Joost Van Vollenhoven [XLTV 4/1/1914] 5/8/1914-1915):

Mặc dù ngày 7/5/1914, Sarraut lại được tái cử làm Toàn quyền lần thứ 5, Joost Van Vollenhoven, Tổng thư ký Đông Dương—đã xử lý thường vụ từ ngày 4/1/1914—được chính thức bổ nhiệm thay Sarraut ngày 5/8/1914 hai ngày sau khi Chiến Tranh thứ nhất bùng nổ (3/8/1914). Vì Van Vollenhoven tiếp tục chính sách của Sarraut, phe chống đối lên án Vollenhoven là người, giống như Sarraut, đã tàn phá tất cả những gì người

Pháp và Hội truyền giáo đã xây dựng nên ở Đại Nam, “một tia lửa gây nên đám cháy Đông Dương.” (69)

69. *L’Avenir du Tonkin* (Hà Nội), 2/7/1912, 11/7/1912; Cao Huy Thuần 1990, tr. 405, 401.

Lúng túng và khủng hoảng hơn nữa là ước mơ đổi mới theo Pháp hay Trung Hoa đều bế tắc, vì tất cả đều trái ngược với con đường khai hoá mà các chính phủ Pháp muốn người Việt và nước Việt phải đi qua. Đó là chưa nói đến quyết tâm *độc quyền trung gian* của Hội Truyền giáo.

III. NỖI KHỦNG HOẢNG CỦA NHỮNG NHÀ ÁI QUỐC GIAO THỜI:

Suốt triều Nguyễn Phước Hoảng, các sĩ phu kháng Pháp đối diện một nỗi khủng hoảng thường trực. Một mặt, thể chế giáo dục/chính trị dựa theo Khổng học ngày một tàn lụn. Quan điểm “*trung quân*”—trên lý thuyết không phải trung thành với một cá nhân, mà là ngôi Vua, một biểu tượng nửa người nửa thánh, thay Trời Đất và Thần Linh cai trị thiên hạ—mất dần sức quyền rũ. Sự hiện diện của người Pháp và tư tưởng, văn chương Pháp, giới thiệu với các sĩ phu Việt những ý niệm mới về “quốc gia” (*nation/state*), “quốc dân” (*citizen*), với hệ thống tổ chức chính quyền, luật pháp, kinh tế, chính trị, truyền thông, cá nhân chủ nghĩa, nhân và dân quyền hoàn toàn mới lạ. Khuynh hướng “*ái quốc*”—nguyên chỉ dựa theo bản năng và nhu cầu sở hữu của mỗi cá nhân, đại gia đình, cùng chủng tộc chủ nghĩa—bị chuyển hướng dần về biểu tượng một đơn vị chính trị với biên cương rõ ràng, qui định bằng các hiệp

ước với lân bang, và sự chung vai, sát cánh của nhiều cộng đồng sắc tộc, lớn hay nhỏ.

Nhưng thực tế chính trị thuộc địa hoàn toàn trái ngược. Xâm chiếm và thống trị đất nước là ngoại nhân, độc lập và chủ quyền bị tước đoạt. Để “bảo hộ” một cách hiệu lực, người Pháp đặt đề lên ngai vàng một ông vua vô quyền lực, hoặc nhỏ tuổi, chẳng có công dụng gì hơn một bó hoa vương giả. Giai tầng thượng lưu bản xứ—xuất thân các trường huấn luyện quan lại, hay những trường Pháp-Nam và Cao đẳng huấn luyện công chức ngạch bản xứ hay không—thì hầu hết chỉ gồm những cá nhân và gia đình mới nổi, đa số là giáo dân Ki-tô, xuất thân thông ngôn hay bồi bếp của các viên chức Pháp. Những quan lại cựu triều, nếu chưa bị loại bỏ, chỉ biết đến quyền lợi bản thân và gia đình. Với họ, “*trung quân*” hay “*ái quốc*” không thể so sánh cùng sự *trung thành* với Bảo hộ hay Hội truyền giáo, những nguồn cung cấp bát cơm, manh áo và danh lợi.

Cuộc cách mạng Tân Hợi 1911 ở Trung Hoa lần đầu tiên giới thiệu, một cách thực tiễn, với các nho sĩ Việt chủ thuyết dân chủ tư bản của Liên bang Mỹ, qua hình thức Tam dân chủ nghĩa [**San Min You [Zhu] I = Three Principles of the People**] của Tôn Dật Tiên (**Sun Yatsen, 1866-1925**). được kiện toàn năm 1924 khi Tiên được Liên Xô Nga và Đệ Tam Quốc Tế [*Comintern*] giúp thiết lập chính phủ Nam Kinh, và mở rộng Trung Hoa Quốc Dân Đảng cho các cán bộ *Zhonghua gongchan* gia nhập với tính cách cá nhân). Những người ủng hộ mô thức “quân chủ lập hiến” cũng chợt cảm thấy bị lỗi thời.

Tôn Dật Tiên: **Sun Yatsen (1866-1925)**.

[1924: **San Min You [Zhu] I** = Three Principles of the People: **Min zu**: Dân tộc [*minzu tongyi*= dân tộc thống nhất]; *new nationalism: Chinese traditionalism. A territorial rather than ethnic/racial or cultural entity. Liang Qichao, Sun Yatsen, a more inclusive and pluralistic concept of China. e.g., wuzu conghe; assimilation rather than collaboration. a Zhonghua minzu.*

Min ch'uan, Dân quyền [democracy]; Western republicanism; Swiss doctrine of initiative, referendum, election; Soviet democratic centralism, Chinese ideas of examination and control.

Min sheng, Dân sinh [people's livelihood, social economic]]

A. Phan Bội Châu và Cường Để tại Trung Hoa:

Trong năm 1909, Phan Bội Châu lo việc tiếp tế khí giới cho Đề Thám nhưng không thành công. Chuyến đi Sư Tử Thành và Xiêm La cũng chẳng thu được kết quả nào vì Xiêm mới ký hiệp ước hữu nghị 1906 với Đông Dương. Cử nhân Châu phải trở lại Quảng Đông ẩn nhẫn chờ thời. Qua năm 1910, Phan Bội Châu xuống Xiêm La lần thứ ba, cùng Đặng Thúc Hứa toan lập đồn điền với các di dân Ki-tô Việt tại đây. Được khoảng 8 tháng, cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) lại khiến Cử nhân Châu—có lẽ do ảnh hưởng Lương Khải Siêu—vội ngược về Hoa Nam, định nương dựa thế lực Tôn Dật Tiên. Thời gian này, tư tưởng Dân chủ Tự bản, và nhất là khả năng trợ giúp của Quốc Dân Đảng Trung Hoa, bắt đầu chi phối mạnh mẽ những nhà nho phái Đông Du.

Năm 1912, Cử nhân Châu thuyết phục được Hoàng giáp Nguyễn Thượng Hiền và các đồng chí bỏ chủ trương quân chủ lập hiến, thiết lập *Việt Nam Quang Phục Hội* (VNQPH). Cường Đê, dù vắng mặt, được cử làm Hội Chủ, kiêm Bộ Trưởng Tổng Vụ bộ. Phan Bội Châu làm Phó Hội Chủ. Hải ngoại có *Bình Nghị Bộ* (Nguyễn Thượng Hiền, Phan Bội Châu, và Nguyễn Thân Hiến) và *Chấp Hành Bộ* (10 hội viên). Trong nước có 3 ủy viên là Đặng Bình Thành (Nam), Lâm Quảng Trung (Trung), và Đặng Xung Hồng (Bắc). Quốc kỳ là cờ vàng, sao đỏ; quân kỳ thì nền đỏ, sao trắng. Sau đó, Phan Bội Châu lên Nam Kinh xin gặp Tôn Dật Tiên, nhưng không được tiếp kiến.(70)

70. NB (Sài Gòn: 1971), tr. 144-49, 151-53, 158. Theo lời khai của Nguyễn Thái Bạt, tổ chức của Cường Đê và Phan Bội Châu được sự ủng hộ nhiệt thành của các làng Việt kiều Ki-tô tại Xiêm la; CAOM (Aix), 9 PA, carton 2.

Trong hai năm 1913 và 1914, VNQPH tổ chức được một số vụ bạo động tại nội địa. Những cuộc bạo động này, như lời “cáo bạch” của Quang Phục Quân rao truyền, “*muốn chóng cứu cho dân tôi khỏi khổ, phải chuốc lấy tạc đạn làm cái mối yêu cầu với chính phủ nước Pháp.*”(71)

71. Xem Phụ bản 8, “Thư của Quang Phục Quân;” Chính Đạo, *Hồ Chí Minh, tập I: 1892-1924* (1997), đã dẫn, tr. 282.

Xé trưa ngày 12/4/1913, Quang Phục Quân ném tạc đạn giết chết Nguyễn Duy Hàn khi Tuần Phủ Thái Bình

ngồi xe kéo rời dinh. Hai tuần sau, ngày 26/4, thêm một vụ ném lựu đạn khác xảy ra trong một khách sạn ở Hà Nội, giết chết hai Thiếu tá Pháp, và gây thương tích cho nhiều người, cả Pháp lẫn Việt. Sau hai vụ khủng bố này, ngày 2/5, Sarraut lập một Hội đồng Đề hình do Bourcier Saint-Chaffrey làm Chủ tịch. 99 người bị truy tố ra tòa. Ngày 5/9, Hội đồng Đề hình kê 7 án tử hình, 1 án chung thân khổ sai, và 8 án đầy. Chỉ có 1 người bị xử tử ngày 24/9 tại Hỏa lò Hà Nội. 6 đảng viên Quang Phục—Cường Đê, Phan Bội Châu, Nguyễn Cẩm Giang (Hải Thần), Nguyễn Quỳnh Chi tự Hai Thác, Nguyễn Văn Tuy tự Tài xế, và Nguyễn Bá Trác—bị tử hình khiếm diện.(72)

72. CAOM (Aix), 9 PA, Cartons 2-3.

Tại Sài Gòn, cũng xảy ra vụ 600 tin đồ của “Phật sống” Phan Xích Long (Phan Phát Sanh) muốn phá ngục Chí Hòa ngày 24/3/1913, và đặt bom tại nhiều địa điểm. Tuy nhiên, cuộc nổi dậy này dường không liên hệ gì đến tổ chức của Phan Bội Châu.(73)

73. *Attentat contre la prison centrale de Saigon (15 Février 1916), 1er Conseil de Guerre permanent de la Cochinchine, Audience du 21 Février 1916, Réquisitoire du Lieutenant Héon* (Sài-gòn: C. Ardin, 1916), tr. 14-29; *Ibid.*, INF, carton 18, d. 185.

Tháng 9/1913, Sarraut dàn xếp qua thăm lãnh chúa Lương Quảng là Long Tế Quang, và thuyết phục Quang ngừng yểm trợ các hoạt động kháng Pháp. Ngày

18/1/1914, Quang bắt giam Phan Bội Châu và Mai Lão Bạng.(74)

74. Mãi tới năm 1917, Quang mới trả tự do cho PBChâu; *NB* (Sài Gòn: 1971), tr175-79.

Sau khi Thế chiến thứ nhất (1914-1918) bùng nổ, ngày 15/3/1915, Nguyễn Cẩm Giang (Hải Thần) dẫn đầu nghĩa quân tiến đánh Tà Lùng, một đồn biên giới gần Thủy Khẩu (đối diện Thất Khê) nằm giữa Lạng Sơn và Cao Bằng. Tuy nhiên, cuộc tấn công này chỉ có giá trị tinh thần hơn quân sự.(75)

75. CAOM (Aix), INF, carton 18, d. 175. Các lãnh tụ kháng Pháp còn tổ chức vài cuộc tấn công ở biên giới, tuy nhiên không mang lại hậu quả quân sự nào; *NB* (Sài Gòn: 1971), tr 183.

B. Hoàng Hoa Thám Bị Âm Sát:

Cuối năm 1912, Tri huyện tập sự Lương Văn Phúc—mới tốt nghiệp trường Sĩ Hoạn Hà Nội—cùng cha nuôi là Lương Tam Kỳ, cựu thủ lĩnh thổ phỉ người Hoa ở vùng Thái Nguyên, đưa ra một kế hoạch để diệt Đề Thám. Sarraut chấp thuận. Kỳ và Phúc bèn thuê ba sát thủ người Hoa giả quy phục Đề Thám, rồi mờ sáng ngày 10/2/1913, bắt thần hạ sát. Thủ cấp Đề Thám và hai cận vệ bị treo lên trước chợ Nhã Nam suốt hai ngày.(76)

76. Xem chi tiết trong CAOM (Aix), 9 PA, Carton 3. Hầu hết các báo Paris đều loan tin cái chết này; *Ibid.*

C. Phan Chu Trinh Tại Pháp:

Tại Paris, dù ăn lương của chính phủ Đông Dương, Phan Chu Trinh tương đối tự do. Liên hệ giữa Phó bảng Trinh và Đoàn Giáo Dục Đông Dương ở Pháp chỉ có việc ghé qua trụ sở ký tên lãnh tiền mỗi tháng. Tới năm 1914, Phan Chu Trinh vẫn chưa có tiến bộ đáng kể về tiếng Pháp. Về chính trị Phan Chu Trinh khá thận trọng, không để lộ hành động khả nghi nào.(77)

77. Ibid., GGI, dossier 2563. Hầu hết chi tiết dưới đây đã công bố trong Chính Đạo, *Hồ Chí Minh: Con người & Huyền thoại*, tập I (1997). Chúng tôi chỉ trích dẫn xuất xứ các tài liệu mới.

Thực tế, từ năm 1912, Phó bảng Trinh bắt đầu thân thiết với Phan Văn Trường (1878-1933), lúc ấy đang theo học Tiến sĩ Luật tại Paris. Với sự cộng tác bí mật của Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường lập ra hội *Đông Bào Thân Ái* nhằm mục đích kết nạp các du học sinh ở Pháp. Qua sự giới thiệu của Phan Văn Trường, Phó bảng Trinh tiếp xúc một số chính khách tả phái và cấp tiến thuộc Hội Nhân Quyền và Đảng Xã Hội như Dân biểu Francis de Pressensé và Marius Moutet. Chính Phan Văn Trường đứng ra thông dịch giúp Phan Chu Trinh khi được báo chí Pháp phỏng vấn về những biến cố ở Đông Dương, và là dịch giả bản *Trung Kỳ Dân Biểu* đăng trên *Thành Tích Biểu Hội Bảo Vệ Nhân và Dân Quyền* ở Hà Nội năm 1913.

Bản trần tình này chỉ khiến liên hệ giữa Sarraut và Phan Chu Trinh thêm xa, lạnh. Tại An-Nam, Charles đã được đưa về Huế làm Khâm sứ. Charles và các đồng liêu cho rằng Phan Chu Trinh hay Phan Bội Châu đều cùng một mục đích giành độc lập cho dân Việt. Xét trên

thực tế và lâu dài, nhóm Phan Chu Trinh còn nguy hiểm hơn tổ chức của Phan Bội Châu, vì Phó bảng Trinh tạo nên tinh thần khích bác quan lại và triều đình Huế, đưa đến sự hỗn loạn và có thể tình trạng vô chính phủ nguy hiểm. Sarraut cũng đặc biệt quan tâm việc Phó bảng Đặng Nguyên Côn, dù ở Côn đảo, tiếp tục liên lạc thường xuyên với thân nhân ở Xiêm La và Phan Chu Trinh. Dầu vậy, Sarraut vẫn yêu cầu Charles áp lực Phủ Chính giám án cho khoảng 40 sĩ phu duy tân từ chung thân xuống còn 9 tới 13 năm tù.(78)

78. Thư Sarraut gửi Bộ Thuộc địa để trả lời văn thư ngày 27/8/1913; CAOM (Aix), 9 PA, carton 5.

D. Đào Lăng Nguyễn Phước Thời:

Khoảng thời gian này, một biến cố khác chấn động dư luận toàn quốc: Ngày 17/1/1913, Khâm sứ Georges Mahé (22/1/1912-23/4/1913) cho khai quật một kho báu trong vòng thành Khiêm Cung (Lăng Nguyễn Phước Thời). Theo Sarraut, mãi tới ngày 4/2, khi vào Huế họp Hội Đồng chính phủ An Nam, Sarraut mới được Mahé thông báo. Ba ngày sau, 7/2, Sarraut cho lệnh lập tức ngừng việc tìm vàng và tu sửa lại Khiêm Cung. Vì đang nghỉ Tết Quý Sửu (6/2/1913), các đại thần Việt hứa qua Giêng sẽ lấp lại các hố đào; nhưng bị chậm trễ. Hạ tuần tháng 2/1913, báo *Le Courrier d'Haiphong* công khai chỉ trích việc làm của Mahé. Sarraut và các quan Việt nhận được nhiều thư trách móc, nguyên rủa. *Việt Nam Quang Phục Quân* cũng nhân dịp “mượn tạc đạn” để bày tỏ sự bất mãn. Sarraut vội yêu cầu Mahé báo cáo mới biết việc tu sửa Lăng Nguyễn Phước Thời vẫn chưa hoàn tất.(79)

79. Xem Phụ bản 9, Chính Đạo, *Hồ Chí Minh*, Tập I (1997), tr. 283, đã dẫn. Mãi tới ngày 12/3/1913, mọi việc mới giải quyết xong; Báo cáo số 658 A.I., 21/3/1913, Sarraut gửi Colonies; CAOM (Aix), 9 PA, Carton 3.

Tại Paris, Phó bảng Trinh không thể làm ngơ. Ngày 2/4/1913, nhân dịp Roux được thăng cấp Thiếu tá, Phan Chu Trinh viết cho Roux một lá thư dài bày tỏ sự bất mãn về việc đào lãng Nguyễn Phước Thời. Trả lời phỏng vấn của báo *Le Journal* ở Paris, Phan Chu Trinh tuyên bố rằng những vụ bạo động ở Đông Dương chỉ là dấu hiệu đầu tiên của chính sách cai trị sai lầm của người Pháp. Theo Phan Chu Trinh, mặc dù Sarraut đã làm được một số điều tốt, nhưng đó chỉ tựa “*những cái kẹo nho nhỏ để an ủi những đứa trẻ mới bị đánh đòn.*” Dù rất bất bình, và viết bài trả lời, trách móc Phó bảng Trinh vong ân, bội nghĩa, Sarraut vẫn tái cấp học bổng cho hai cha con ông.(80)

80. Fernand Hauser, “Phan Châu Trinh Lettré annamite parle de la bombe d’Hanoi,” *Le Journal* (Paris), 3/5/1913, và “Choses d’Indo-chine,” *Ibid.*, 5/5/1913; CAOM (Aix), GGI, dossier 9615.

Mùa Thu năm 1913, Bộ Thuộc Địa và Sarraut lại thêm một lần chú ý đến Phó bảng Trinh. Từ Berlin (Germany), Cường Để—đã bắt đầu tách rời khỏi ảnh hưởng Phan Bội Châu, bỏ qua Âu châu sau khi bị bắt giữ ở Hong Kong một thời gian ngắn—ủy Trương Duy Toàn (1885-1957) cầm hai lá thư gửi cho Phan Chu Trinh và Sarraut. Phó bảng Trinh bèn dẫn Toàn tới gặp

Pierre Guesde, Phụ tá Chánh Văn Phòng Bộ Thuộc Địa. Mặc dù Phan Chu Trinh tuyên bố chưa hề đọc thư Cường Đễ, người Pháp vẫn nghi ngờ ông có liên hệ với tổ chức mới của Phan Bội Châu. Nhưng có lẽ vì muốn chiêu hàng Cường Đễ, Sarraut bỏ qua vụ này. Trương Duy Toàn và một bạn đồng hành, Đỗ Văn Y (1892-1968), được cấp học bổng ở lại Pháp.(81)

81. Ibid., 9 PA, cartons 2 & 3, & GGI, dossier 2563. Chúng tôi sử dụng năm sinh và mất hai ông Toàn và Y từ Nguyễn Quốc Thắng-Nguyễn Bá Thế, *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam* (TP/HCM: 1992), tr. 918-919, 206.

E. Phan Chu Trinh Ở Tù Santé:

Năm 1914, trước hiểm họa chiến tranh ở Âu Châu, Bộ Thuộc Địa Pháp yêu cầu Sở Mật Thám theo dõi ráo riết hoạt động của nhóm Phan Văn Trường-Phan Chu Trinh. Năm này, dù đã cùng một số thân hữu thành lập *Hội Ái Quốc Đông Dương*, Phan Văn Trường bị động viên, phục vụ tại Trung đoàn 102 Bộ Binh ở Chartres với cấp bậc Trung sĩ. Một số người quen biết cũng đều bị nhập ngũ. Phần Nguyễn Như Chuyên—một cựu Thông ngôn tại Trung Kỳ, được học bổng qua Paris, nhưng bỏ dở nửa chừng, xoay sang học việc buôn bán ở Le Havre và được cử làm thông dịch cho Phó bảng Trinh một thời gian ngắn. Sau đó, Chuyên muốn theo Phó bảng Trinh “làm chính trị” nên bị gọi về nước. Trong khi Chuyên chuẩn bị xuống tàu hồi hương, ngày 3/8/1914, **Thế chiến thứ I (3/8/1914-11/11/1918) bùng nổ**. Việc giao thông giữa Pháp và các thuộc địa tạm thời bị đình hoãn. Chuyên phải ở lại, chờ lệnh mới.(82)

82. Ibid., GGI, dossier 2563.

Tháng 9/1914, Germany xua quân đánh Pháp, và chỉ bị chặn lại khi còn cách Paris 25 dặm. Lo ngại Phan Văn Trường và Phan Chu Trinh có thể ngả theo phe Germany, Bộ trưởng Thuộc Địa Gaston Doumergue yêu cầu Tổng trấn Paris là Tướng Galliéni—người từng cầm quân đánh dẹp Bắc Kỳ—áp dụng biện pháp “bắt giữ phòng ngừa.” Mật thám Pháp khám xét chỗ cư ngụ của Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường, tịch thu tất cả giấy tờ, tài liệu. Mặc dù không đủ bằng chứng buộc tội, ngày 5/9, Galliéni vẫn quyết định câu lưu hai người. Ngày 15/9, Phó bảng Trinh bị bắt, giam tại ngục Santé chờ thụ lý. Phan Văn Trường bị dẫn giải về quân lao Paris. Hơn một tháng sau, ngày 10/10/1914, tới lượt Chuyên. Qua các cuộc tra vấn, Phan Chu Trinh khôn khéo lái tất cả những tư tưởng chống Pháp trong một số thư gửi cho Chuyên vào lập trường chung là “hợp tác chân thành với Pháp.” Thí dụ như khi bị tra vấn về câu “*nếu người An-Nam nổi dậy, người Pháp sẽ qua trong khoảnh khắc,*” Phó bảng Trinh trả lời rằng ý ông muốn nói người Pháp “*phải thay đổi chính sách tức khắc.*”

Dù biết rõ lập trường chống Pháp của Phan Chu Trinh, Công tố viên không đủ bằng chứng buộc tội. Trong khi đó, từ tháng 1/1915, Roux tích cực can thiệp với người thụ lý là Đại Úy Caron. Không những chỉ lấy danh dự mình bảo đảm, Roux còn lục hồ sơ cá nhân, tìm được một lá thư của Phan Chu Trinh ngày 15/10/1913, trong đó Phó bảng Trinh tâm sự với Roux mơ ước được thấy “thi hài lính Pháp và Việt nằm bên nhau” trên chiến trường chống Germany.(83)

83. Ibid., SLOTFOM, Séries III, carton 29. Theo Daniel Hémerly, Trinh còn viết cho Roux một lá thư ngày 12/1/1915, với nội dung tương tự; “A propos de la demande d'admission du jeune Ho Chi Minh à L'Ecole Coloniale en 1911;” *Vietnam-Asie-Débat-1: La bureaucratie au Vietnam* (Paris): L'harmattan, 1983) pp 29-30. Chúng tôi đã tham khảo tài liệu Papiers Mangin, 149-AP, Carton 11, d. 3, tại Services Historique de l'Armée de Terre (SHAT), nhưng không thấy tài liệu này.

Giữa lúc Caron định miễn tố cho ba người, chính phủ Đông Dương điện báo là sẽ chuyển về Paris một hồ sơ đủ để kết án Phan Chu Trinh. Hồ sơ này không những chỉ tổng hợp nhận xét của các viên chức thuộc địa Đông Dương về âm mưu chống Pháp của Phan Chu Trinh, mà còn thêm chi tiết Phó bảng Trinh có liên hệ với tổ chức của Phan Bội Châu và Cường Để—Trong khi lục soát nhà một cán bộ VNQP, Cảnh sát Hồng Kông tìm được một cuốn sổ nhỏ ghi địa chỉ số 16 đường Cujas, Paris, của Phan Chu Trinh.

Ngày 8/4/1915, có lẽ bị tra tấn quá mức, Nguyễn Như Chuyên đột ngột cung khai rằng Phan Văn Trường và Phan Chu Trinh có liên hệ với Cường Để, và âm mưu dựa vào Germany để lật đổ Pháp. Hơn một tuần sau, ngày 19/4, hai cựu sứ giả của Cường Để là Đỗ Văn Y và Trương Duy Toàn bị bắt giữ, đưa vào Santé. May mắn, ít lâu sau, Chuyên bỗng cuồng trí, nói năng điên loạn, phải đưa vào bệnh viện điều trị. Nhờ vậy, lời khai của Chuyên mất giá trị. Hai tháng sau nữa, ngày 28/6, Công Tố viên miễn tố Phan Văn Trường, Phan Chu Trinh và

Nguyễn Như Chuyên. Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường đều được phóng thích.(84) Chuyên tiếp tục điều trị ở nhà thương một thời gian mới lành bệnh. Y và Toàn còn bị điều tra ít lâu, rồi được phóng thích, và ép buộc hồi hương ngày 15/10/1915.

84. Báo cáo ngày 26/6/1915 của Đại Úy Caron. Theo Phan Văn Trường, ông và Phó bảng Trinh được phóng thích vào tháng 7/1915; *La Clôche fêlée* [Chuông rạn] (Sài Gòn), số 3, 31/12/1925.